**PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ BẾN TRE**

**TRƯỜNG THCS HOÀNG LAM**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**BẾN TRE - NĂM 2019**

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ BẾN TRE

**TRƯỜNG THCS HOÀNG LAM**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Quốc Hùng | Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng | chủ tịch hội đồng |  |
| 2 | Hồ Thị Ánh | Phó Hiệu Trưởng, phó chủ tịch hội đồng, trưởng nhóm | Phó chủ tịch hội đồng |  |
| 3 | Phạm Thị Hồng Tươi | Nhân viên, thư ký | Thư kí |  |
| 4 | Nguyễn Thị Diễm Kiều | TTCM, trưởng nhóm | Ủy viên |  |
| 5 | Lê Thị Bích Thủy | Tổng phụ trách đội, trưởng nhóm | Ủy viên |  |
| 6 | Nguyễn Thị Thanh Vân | TTCM, trưởng nhóm | Ủy viên |  |
| 7 | Đặng Mạnh Thành | Trưởng ban TTND | Ủy viên |  |
| 8 | Nguyễn Thanh Truyền | Chủ tịch công đoàn | Ủy viên |  |
| 9 | Nguyễn Thị Ngọc Thùy | Bí thư chi đoàn | Ủy viên |  |
| 10 | Nguyễn Trung Kiên | TTCM | Ủy viên |  |
| 11 | Bùi Thoại Trúc Luyn | Giáo viên | Thư kí |  |

BẾN TRE - NĂM 2019

# **MỤC LỤC**

[MỤC LỤC 1](#_Toc20316313)

[DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT 3](#_Toc20316314)

[**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, 2 VÀ 3** 5](#_Toc20316315)

[**Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** 7](#_Toc20316316)

[**Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** 13](#_Toc20316317)

[**A. ĐẶT VẤN ĐỀ** 13](#_Toc20316318)

[**B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** 14](#_Toc20316319)

[**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** 14](#_Toc20316320)

[**Mở đầu** 14](#_Toc20316321)

[Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường 14](#_Toc20316322)

[Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác 16](#_Toc20316323)

[Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường 18](#_Toc20316324)

[Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng 20](#_Toc20316325)

[Tiêu chí 1.5: Lớp học 22](#_Toc20316326)

[Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản 24](#_Toc20316327)

[Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên 26](#_Toc20316328)

[Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục 27](#_Toc20316329)

[Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở 29](#_Toc20316330)

[Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học 30](#_Toc20316331)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 1 32](#_Toc20316332)

[**Tiêu chuẩn 2:** Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh 34](#_Toc20316333)

[**Mở đầu** 34](#_Toc20316334)

[Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng 35](#_Toc20316335)

[Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên 36](#_Toc20316336)

[Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên 39](#_Toc20316337)

[Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh 41](#_Toc20316338)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 2 43](#_Toc20316339)

[**Tiêu chuẩn 3:** Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học 44](#_Toc20316340)

[**Mở đầu** 44](#_Toc20316341)

[Tiêu chí 3.1 44](#_Toc20316342)

[Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập 46](#_Toc20316343)

[Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị 47](#_Toc20316344)

[Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước 49](#_Toc20316345)

[Tiêu chí 3.5: Thiết bị 50](#_Toc20316346)

[Tiêu chí 3.6: Thư viện 52](#_Toc20316347)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 3 53](#_Toc20316348)

[**Tiêu chuẩn 4:** Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội 54](#_Toc20316349)

[**Mở đầu** 54](#_Toc20316350)

[Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh 55](#_Toc20316351)

[Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường 58](#_Toc20316352)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 4 61](#_Toc20316353)

[**Tiêu chuẩn 5:** Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục 62](#_Toc20316354)

[**Mở đầu** 62](#_Toc20316355)

[Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 62](#_Toc20316356)

[Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện 66](#_Toc20316357)

[Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định 68](#_Toc20316358)

[Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 70](#_Toc20316359)

[Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh 72](#_Toc20316360)

[Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục 74](#_Toc20316361)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 5 78](#_Toc20316362)

[Phần III. KẾT LUẬN CHUNG 80](#_Toc20316363)

[**Phần IV.** PHỤ LỤC 81](#_Toc20316364)

### 

# **DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chữ viết tắt** | **Nội dung** |
| HT | Hiệu trưởng |
| PHT | Phó Hiệu trưởng |
| CTCĐ | Chủ tịch công đoàn |
| TPT | Tổng phụ trách Đội TNTPHCM |
| TTCM | Tổ trưởng chuyên môn |
| THCS | Trung học cơ sở |
| GD&ĐT | Giáo dục và đào tạo |
| CBCC - VC | Cán bộ công chức - viên chức |
| CB,GV,NV | Cán bộ, giáo viên, nhân viên |
| CSVS | Cơ sở vật chất |
| CBQL | Cán bộ quản lý |
| HS | Học sinh |
| CMHS | Cha mẹ học sinh |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| PPCT | Phân phối chương trình |
| CN | Công nghệ |
| MT | Mĩ thuật |
| GDCD | Giáo dục công dân |
| PPDH | Phương pháp dạy học |
| GVG | Giáo viên giỏi |
| CBVC | Cán bộ viên chức |
| GV | Giáo viên |
| NV | Nhân viên |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| ANTT | An ninh trật tự |
| TT GDTX | Trung tâm giáo dục thường xuyên |
| GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| GD | Giáo dục |
| HĐND | Hội đồng nhân dân |
| PCGD | Phổ cập giáo dục |

# 

# **TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, 2 VÀ 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Tiêu chuẩn 1 |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 1.2 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 1.3 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 1.4 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 1.5 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 1.6 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 1.8 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 1.9 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  |  | X |  |
| Tiêu chuẩn 2 |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 2.2 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 2.3 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 2.4 |  |  |  | X |
| Tiêu chuẩn 3 |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 3.2 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 3.3 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 3.4 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 3.5 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 3.6 |  |  | X |  |
| Tiêu chuẩn 4 |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 4.2 |  |  |  | X |
| Tiêu chuẩn 5 |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 5.2 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 5.3 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 5.4 |  |  | X |  |
| Tiêu chí 5.5 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 5.6 |  |  |  | X |

**Kết quả:** Đạt mức 2

## 

# **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: THCS HOÀNG LAM

Tên trước đây: TRƯỜNG THCS HOÀNG LAM

Cơ quan chủ quản: PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ BẾN TRE

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Tỉnh Bến Tre |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Nguyễn Quốc Hùng |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Thành phố Bến Tre |  | Điện thoại | 0273812395 |
| Xã / phường/thị trấn |  |  | Fax |  |
| Đạt CQG | x |  | Website | thcshoanglamtpo.bentre.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 01/01/2002 |  | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | x |  | Loại hình khác |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| Khối 6 | 5 | 4 | 4 | 3 | 4 |
| Khối 7 | 3 | 5 | 4 | 4 | 4 |
| Khối 8 | 4 | 3 | 5 | 4 | 4 |
| Khối 9 | 4 | 4 | 3 | 5 | 4 |
| Cộng | 16 | 16 | 16 | 16 | 16 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 17 | 17 | 17 | 17 | 17 |  |
| 1 | Phòng học | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |  |
| a | Phòng kiên cố | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| a | Phòng kiên cố | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| a | Phòng kiên cố | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| II | Khối phòng hành chính - quản trị | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| III | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| IV | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |
|  | Cộng | 23 | 23 | 23 | 23 | 23 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Giáo viên | 32 | 24 | 0 | 0 | 3 | 29 |  |
| Nhân viên | 7 | 4 | 0 | 3 | 2 | 2 |  |
| Cộng | 41 | 29 | 0 | 3 | 5 | 33 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 36 | 35 | 33 | 33 | 32 |
| 2 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương | 13 | 3 | 11 | 7 | 7 |
| 3 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh trở lên | 0 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tỷ lệ giáo viên/ lớp | 2,25 | 2,18 | 2,06 | 2,06 | 2 |
| 5 | Tỷ lệ giáo viên/ học sinh | 0,06 | 0,06 | 0,05 | 0,05 | 0,05 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 553 | 559 | 603 | 616 | 619 |  |
| -Nữ | 267 | 277 | 296 | 299 | 323 |  |
| -Dân tộc | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Khối 6 | 186 | 157 | 170 | 136 | 172 |  |
| Khối 7 | 122 | 174 | 154 | 166 | 136 |  |
| Khối 8 | 121 | 117 | 168 | 152 | 159 |  |
| Khối 9 | 124 | 111 | 111 | 162 | 152 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 186 | 157 | 170 | 136 | 172 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ ngày | 186 | 157 | 170 | 136 | 172 |  |
| 4 | Bán trú | 122 | 174 | 154 | 166 | 136 |  |
| 5 | Nội trú | 121 | 117 | 168 | 152 | 159 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/ lớp | 124 | 111 | 111 | 162 | 152 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |  |
| -Nữ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| -Dân tộc | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh(nếu có) | 13 | 5 | 15 | 20 | 24 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia(nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 34 | 17 | 20 | 14 | 8 |  |
| -Nữ | 14 | 8 | 7 | 5 | 6 |  |
| -Dân tộc | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 11 | Tổng số học sinh(trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 30 | 31,8 | 35,5 | 34,1 | 35,2 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 44,2 | 46,9 | 46,6 | 40,9 | 41,8 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém | 0,5 | 0 | 0,6 | 0,9 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 90,6 | 90,8 | 92,2 | 91,2 | 90,6 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 9,2 | 8,8 | 7,8 | 7,2 | 9,2 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0,2 | 0,4 | 0 | 1,6 | 0,2 |  |

# **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ**

## **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trường Trung học cơ sở Hoàng Lam tọa lạc tại Ấp 2, xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, đạt chuẩn quốc gia năm 2014 và đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 từ năm 2014-2019. Trường luôn phấn đấu giữ vững và phát huy hiệu quả dạy học của trường đạt chuẩn quốc gia.

Sau khi được công nhận chuẩn quốc gia năm 2014, nhà trường tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất còn hạn chế như: Nâng nền sân trường chống ngập, sửa chữa thay mặt bàn, ghế hư hỏng.

Hệ thống cây xanh trong sân trường được trồng chăm sóc hàng năm đã phủ khắp sân trường tạo nhiều bóng mát cho học sinh vui chơi, giải trí…

Khuôn viên nhà trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường; các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch, đẹp... đảm bảo đủ điều kiện tổ chức các hoạt động dạy học và sinh hoạt. Tổng diện tích mặt bằng của trường là 5905,7 m2, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG081490, bình quân 11,6 m2/học sinh. Được sự chỉ đạo Phòng GD&ĐT thành phố Bến Tre và chính quyền các cấp, cùng với sự cố gắng phấn đấu của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, Trường THCS Hoàng Lam trong những năm qua đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của mình so với các trường trên toàn thành phố. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm có giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh đạt thành tích cao. Đặc biệt, trong những năm gần đây chất lượng giáo dục toàn diện của trường ngày càng được nâng cao. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng, năm sau cao hơn năm trước. Tốt nghiệp THCS luôn đạt 100% , trong đó tỷ lệ khá và giỏi trên 50%. Trong các Hội thi học sinh giỏi văn hóa cấp huyện, cấp tỉnh đều có học sinh đạt giải cao. Trường có tổ chức Chi bộ Đảng gồm 24 đảng viên, Chi bộ liên tục đạt Chi bộ vững mạnh, giữ vai trò hạt nhân của nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”, Trường THCS Hoàng Lam đã quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tích cực tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp quản lý và dạy học, đổi mới việc kiểm tra, đánh giá học sinh. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, phấn đấu là địa chỉ tin cậy của phụ huynh, học sinh.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

Trường THCS Hoàng Lam hiện nay có đủ cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của Điều lệ trường trung học. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ số lượng theo cơ cấu về loại hình, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông. Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỉ luật, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Liên Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội Khuyến học..... Các tổ chức, hội đồng hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành. Nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Công tác khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được nhà trường thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan đúng theo các quy định hiện hành.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức1:

a) Nhà trường đã xây dựng “Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường” phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục (Điều 27 Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015). Nội dung của chiến lược phù hợp với luật giáo dục, mục tiêu phát triển chung; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường. [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường đã được phòng GD&ĐT phê duyệt;

c) Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được công bố, đăng tải trên Website của nhà trường, cũng như niêm yết trên bảng tin để cán bộ, giáo viên và học sinh được biết.

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên theo dõi, bổ sung và điều chỉnh chiến lược phát triển được thực hiện thông qua phương hướng, nhiệm vụ từng năm học nhằm định hướng sự phát triển của nhà trường phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn. Thường xuyên so sánh đối chiếu với việc đã làm phù hợp với mục tiêu chiến lược xây dựng và phát triển góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường và đưa ra các biện pháp bổ sung nảy sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học, chiến lược đã được phê duyệt, được đăng tải trên Website của nhà trường. Mỗi giai đoạn đều được sơ kết, tổng kết nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm, để từ đó điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn của nhà trường từ nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp về định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương, của ngành [H1-1.1-03], [H1-1.1-04].

Mức 3:

Định kỳ có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường.

**2. Điểm mạnh**

Trường Trung học cơ sở Hoàng Lam xây dựng Chiến lược phát triển phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục, địa phương và nguồn lực của nhà trường và địa phương trong từng giai đoạn góp phần xây dựng xã Nông thôn mới.

Chiến lược phát triển định hướng rõ ràng cho sự phát triển của nhà trường trong những năm vừa qua và những năm tiếp theo.

**3. Điểm yếu**

Chiến lược phát triển có phổ biến nhưng chưa nhận được sự đóng góp ý kiến rộng rãi của các tổ chức xã hội, chính quyền, nhân dân địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng lập kế hoạch chi tiết, tham mưu với các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương để tuyên truyền, phổ biến Chiến lược phát triển của nhà trường đến Ban đại diện CMHS và toàn thể nhân dân địa phương.

Giao cho giáo viên phổ biến đến cha mẹ học sinh trong xã Phú Nhuận chiến lược phát triển của nhà trường qua các cuộc họp cha mẹ học sinh.

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học cần có sự chuẩn bị kĩ lưỡng và điều chỉnh kịp thời khi có sự thay đổi. Phát huy tốt hơn nữa trí tuệ của tập thể cán bộ công chức, viên chức trong công tác xây dựng và triển khai chiến lược phát triển của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường THCS Hoàng Lam được thành lập theo Quyết định số 404/QĐ-PGD&ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2013 của phòng GD&ĐT thành phố Bến Tre. Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và Trường phổ thông có nhiều cấp học. Hội đồng trường là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục. Hội đồng trường trường THCS Hoàng Lam kiện toàn thành phần gồm: đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban giám hiệu nhà trường, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn. Hội đồng trường có Chủ tịch, 01 thư ký và các thành viên khác. Tổng số thành viên của Hội đồng trường có 9 thành viên. [H1-1.2-02]

b) Hoạt động của Hội đồng trường được thực hiện theo đúng quy chế như quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường; Quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; Giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-01]. Bên cạnh đó hàng năm nhà trường đều thành lập và kiện toàn các hội đồng khác như Hội đồng thi đua khen thưởng...Hội đồng kỷ luật (khi có vụ việc cần giải quyết) [H1-1.2-02]; Quyết định thành lập hội đồng tư vấn .[H1-1.2-03]các hội đồng của nhà trường được thành lập và xây dựng kế hoạch, quy chế làm việc rõ ràng, thường kỳ có đánh giá sơ kết, tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm để từ đó sửa đổi, bổ sung kế hoạch phù hợp với điều kiện của nhà trường [H1-1.1-02]

c) Định kỳ các hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường tiến hành việc rà soát thực hiện các hoạt động của các tổ chức đẻ lập hồ sơ thi đua, khen thưởng .[H1-1.2-04], đánh giá đề ra phương hướng nhiệm vụ trong học kỳ tới một cách kịp thời; cuối năm tiến hành tổng kết đánh giá năm học, xây dựng phương hướng nhiệm vụ trong năm học tiếp theo.

Mức 2:

Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. [H1-1.2-01]

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường được thành lập đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại điều 21 Điều lệ trường trung học luôn tạo được sự công bằng trong các hoạt động thi đua dạy tốt học tốt của nhà trường được sự ủng hộ của cán bộ giáo viên và học sinh trong trường.

Quán triệt mọi chủ trương, đường lối, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước tới mọi tập thể, cá nhân, CBCC-VC, học sinh góp phần nâng cao nhận thức và hành động đúng, nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ GD&ĐT theo cấp học đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sự phối hợp giữa các tổ chức chính trị trong xã hội luôn được quan tâm, việc phối hợp để giải quyết các công việc luôn được thể hiện bằng quy chế, bằng nghị quyết, từ đó việc giữ vững kỷ cương, kỷ luật của nhà trường luôn được thực hiện một cách đồng bộ.

**3. Điểm yếu**

Việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của các tổ chức đôi lúc chưa thường xuyên, một số hoạt động còn mang nặng về hình thức, chưa đi vào chiều sâu. Việc thực hiện nhiệm vụ của một số thành viên còn hời hợt, trách nhiệm chưa cao dẫn đến hiệu quả công việc còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Cần có kế hoạch kiểm tra thường xuyên, phân công cụ thể cho các thành viên gắn với trách nhiệm để nâng cao ý thức hoạt động của các thành viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tạo điều kiện dể các thành viên nâng cao hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có Tổ chức Công đoàn gồm 40 công đoàn viên. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với 02 đoàn viên. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh với 617 em đội viên chia làm 16 Chi đội. Ban đại diện cha mẹ học sinh thành lập theo đúng quy định .[H1-1.3-01] .[H1-1.3-02] .[H1-1.3-03]

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục .[H1-1.3-04]

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.[H1-1.1-02]

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm qua tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam được đánh giá trong sạch vững mạnh. [H1-1.3-05]

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08]

Mức 3:

a) Trong 5 năm qua tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam được đánh giá trong sạch vững mạnh.[H1-1.3-08]

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.[H1-1.3-08]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các tổ chức Đảng, đoàn thể và các tổ chức xã hội khác theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật. Các tổ chức Đảng Cộng sản nhiều năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các đoàn thể, tổ chức khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Thành viên của các tổ chức đảm đương nhiều nhiệm vụ nên đôi lúc làm công tác tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng chưa kịp thời còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục tổ chức cơ cấu bộ máy theo hướng hợp lý và khoa học, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, quan hệ và lề lối làm việc trên cơ sở rà soát, điều chỉnh lại chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các đoàn thể, tổ chức khác.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo đúng qui định [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

b) Nhà trường có 4 tổ chuyên môn: Tổ Toán - Tin có 6 thành viên; Tổ Lý- Hóa –Sinh-CN-MT có 9 thành viên; Tổ Ngữ văn- Sử- Địa- GDCD có 12 thành viên; Tổ Tiếng Anh- Thể dục- Nhạc có 7 thành viên, Các tổ chuyên môn được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học.[H1-1.4-03].

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động, hội họp, thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 và 17 Điều lệ trường trung học. [H1-1.4-04], [H1-1.4-05], [H1-1.1-03]; [H1-1.1-02].

Mức 2:

a) Hằng năm tổ chuyên môn thực hiện được từ 02 chuyên đề chuyên môn, có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-10].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh [H1-1.4-11]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-09], [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. [H1-1.4-12].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-08].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thành lập tổ chuyên môn có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định; các tổ có xây dựng đầy đủ kế hoạch và hoạt động đúng quy định, có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Các tổ chuyên môn tích cực nghiên cứu khoa học, đề xuất được nhiều giải pháp có hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng dạy và học.

**3. Điểm yếu**

Các tổ chuyên môn phần lớn là tổ ghép của nhiều môn nên tổ trưởng gặp không ít khó khăn trong điều hành hoạt động của tổ, dẫn đến việc sinh hoạt tổ chuyên môn chưa thật sự phong phú. Đồng thời các giải pháp nâng cao chất lượng chưa mang lại kết quả cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo nhà trường tạo điều kiện tốt hơn nữa để thành viên các tổ từng bước nâng cao tay nghề, xây dựng kế hoạch thời gian phù hợp, tạo điều kiện các Tổ trưởng tham gia học hỏi các trường bạn trong công tác điều hành, quản lý tổ đạt kết quả cao hơn. Đối với những môn học chỉ có 01 giáo viên nhà trường sẽ tạo điều kiện để dự giờ, học tập kinh nghiệm ở các trường bạn trên địa bàn thành phố Bến Tre.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 1.5: Lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường THCS Hoàng Lam hiện có 16 lớp, từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 với tổng số học sinh học từng năm học trung bình: 39 học sinh/ lớp

b) Lớp học được tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học, hàng năm giáo viên chủ nhiệm đã tiến hành kiện toàn Ban cán sự của lớp (Mỗi lớp học có 01 lớp trưởng và 1 đến 2 lớp phó). Lớp được chia thành các tổ học sinh, mỗi tổ do tổ trưởng và tổ phó điều hành [H1-1.5-02], hằng năm lập bản tổng hợp thông tin về các lớp học gồm họ tên giáo viên chủ nhiệm, tên lớp tưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó [H1-1.5-03].

Thực hiện kế hoạch năm học cũng như kế hoach chuyên môn nhà trường đã xây dựng, mỗi lớp có một giáo viên làm công tác giáo viên chủ nhiệm để hướng dẫn các em thực hiện nội quy, quy chế của trường, lớp, cũng như thực hiện một số hoạt động giáo dục khác [H1-1.5-02].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Đầu năm học mới các em có được tham gia họp lớp bầu ban cán sự cùng nhau xây nội quy, quy chế lớp học để các em thực hiện tốt nhiệm vụ của một người học sinh, cùng nhau xây dựng tập thể lớp vũng mạnh, xây dựng trường học thân thiện. Để đôn đốc hoạt động của các lớp, Liên Đội đã xây dựng đội ngũ sao đỏ để kiểm tra thường xuyên các hoạt động hàng ngày. Đồng thời thông qua đội sao đỏ lớp trực tuần có báo cáo thi đua của các lớp sau một tuần. [H1-1.5-05], Cuối mỗi đợt thi đua các em sẽ được tham gia họp bình xét thi đua tại lớp. Sau đó sẽ xét thi đua trong hội đồng trường [H1-1.5-06].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức lớp học theo đúng quy định, có 16 lớp. Sĩ số học sinh trong lớp không quá 45 em tỉ lệ trung bình là: 617/16 = 39HS/lớp. [H1-1.5-01], [H1-1.5-04].

Mức 3:

Trường có 16 lớp. Một số lớp vượt quá 40 học sinh/lớp.

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ các lớp của cấp học; Cơ cấu tổ chức lớp của trường được tổ chức theo đúng quy định và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

**3. Điểm yếu**

Do sự phát triển cơ học nên số học sinh mỗi năm không đồng đều. Mặt khác, do mỗi năm học nhà trường có tổ chức tuyển học sinh lớp 6 vào học chương trình tiếng Anh mới nên số lượng đầu vào không đồng đều giữa các lớp.

Một số ít học sinh còn rụt rè, tinh thân xây dựng tập thể còn chưa cao, chưa phát huy hết tính dân chủ trong các cuộc họp, sinh hoạt lớp, ngại phát biểu trước đám đông do đó việc thu thập các ý kiến còn nhiều hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tổ chức các lớp học, số học sinh các lớp theo quy định.Tăng cường tổ chức các buổi ngoại khóa để tăng tính đoàn kết, tinh thần xây dựng tập thể của các em. Động viên tạo điều kiện để tất cả các em bày tỏ ý kiến của mình.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách về hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 27, Điều lệ trường trung học và được lưu trữ đúng thời gian quy định [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

b) Ngoài hệ thống văn bản quy phạm về quản lý tài chính, tài sản của Nhà nước, hàng năm dựa trên cơ sở nguồn ngân sách được cấp nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch điều hành ngân sách và Quy chế chi tiêu nội bộ nhằm bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-03]. Mọi hồ sơ chứng từ thu chi tài chính, tài sản đều được lưu trữ đầy đủ theo quy định. Theo định kỳ, việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo đúng quy định của Nhà nước. Hồ sơ tài chính, tài sản theo đúng quy định, niêm phong hồ sơ khi thực hiện bàn giao, phân loại hồ sơ lưu trữ theo từng năm tài chính [H1-1.6-04].

c) Dựa vào điều kiện thực tế của nhà trường, Hội đồng trường kết hợp với các tổ chức xã hội trong nhà trường đã xây dựng quy chế sử dụng tài sản. Thông qua đó giáo viên và học sinh sử dụng tài sản có hiệu quả và có ý thức bảo về tài sản để phục vụ cho học tập và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường [H1-1.6-06], [H1-1.6-07]. Hàng năm nhà trường thực hiện việc tự kiểm tra và công khai tài chính theo Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định 67/2004/QĐ-BTC; thực hiện “Ba công khai” theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có công khai về điều kiện CSVC; đồng thời, theo định kỳ, đều phối hợp với Công đoàn, Thanh tra nhân dân để tổ chức kiểm tra và công khai kết quả quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.6-04].

Mức 2:

a) Để đảm bảo cho việc lưu trữ hồ sở và quản lí hành chính đạt hiệu quả nhà trường đã có sử dụng phần mềm vào việc quản lí học bạ, sổ đăng bộ[H1-1.5-01],, sổ điểm của học sinh. [H1-1.5-04], Sổ theo dõi công văn đi đến [H1-1.6-01],; đặc biệt là quản lý tài sản.[H1-1.6-02]

b) Trong 05 năm qua, nhà trường đã thực hiện tốt các quy định về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định của Nhà nước không có tình trạng khiếu nại, tố cáo cũng như vi phạm về tài sản tài chính [H1-1.6-05].

Mức 3:

Trường thực hiện xây dựng đầy đủ đúng qui định các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có hệ thống hồ sơ sổ sách đúng quy định của ngành, định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra đôn đốc và hoàn thiện hệ thống sổ sách đúng thời hạn theo từng năm học, các loại hồ sơ về tài chính được lưu giữ đầy đủ;

Dự toán kinh phí hàng năm được lập đầy đủ, đúng với nguyên tắc tài chính. Sau khi cấp trên phê duyệt được công khai trong hội đồng sư phạm. Hằng năm, được Phòng Tài chính và Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra và duyệt quyết toán đánh giá việc thu, chi, hạch toán rõ ràng, số liệu chính xác, sổ sách đầy đủ, ghi chép rõ ràng, đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính. Thực hiện tốt công tác kiểm tra tài chính với kế toán và thủ quỹ. Quản lý tài sản và thiết bị dạy học chặt chẽ, phân công trách nhiệm từng người theo dõi từng loại, phòng chức năng.

Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế sử dụng tài sản trong nhà trường phù hợp với điều kiện CSVC và nguồn kinh phí được cấp hàng năm. Qua đó, thực hiện chặt chẽ, minh bạch việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản. Trong nhiều năm, chưa để xảy ra tình trạng nào khiếu nại, tố cáo hoặc thất thoát, mất mát tài chính, tài sản.

**3. Điểm yếu**

Ban thanh tra nhân dân của nhà trường không có nghiệp vụ kế toán nên gặp nhiều khó khăn trong việc thanh tra tài chính hằng kỳ, hằng năm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục thực hiện tốt việc bảo quản, lưu giữ hồ sơ, văn bản theo quy định.

Tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Phòng GD&ĐT, Liên đoàn lao động thành phố tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban thanh tra nhân dân để làm tốt hơn công tác thanh tra.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ năm học của phòng GD&ĐT thành phố Bến Tre nhà trường đã lập kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên phù hợp đặc điểm tình hình nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-01].

b) Nhà trường phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có sự tham mưu của các tổ trưởng chuyên môn, phân công phù hợp với năng lực và yêu cầu của nhiệm vụ đề ra [H1-1.7-02].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05]; [H1-1.7-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng đầy đủ và thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả các hoạt động giáo dục. Kế hoạch về nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp cụ cho đội ngũ quản lý, giáo viên và nhân viên được triển khai đầy đủ sâu rộng tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý giáo viên và nhân viên thực hiện đạt hiệu quả cao.

**3. Điểm yếu**

Hình thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và chưa phong phú, phần lớn giáo viên tự nghiên cứu. Một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế trong công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hướng tới việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, thay sách giáo khoa. Đồng thời chú trọng đến phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.

Tổ chức cho các tổ chuyên môn thảo luận, xây dựng các tiết dạy theo chương trình mới. Đồng thời phân công giáo viên một cách hợp lý, bồi dưỡng cho những giáo viên còn hạn chế về công nghệ thông tin.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, Nghị quyết của Hội đồng trường và điều kiện thực tế tại địa phương, nhà trường đã tiến thảo luận, đề ra kế hoạch hoạt động giáo dục cụ thể, chi tiết cho từng tháng, từng kỳ học; [H1-1.8-01]

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được triển khai và thực hiện đầy đủ [H1-1.8-01], [H1-1.4-04] , [H1-1.4-11], [H1-1.8-05], [H1-1.8-03], [H1-1.8-04].

c) Hàng tháng phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn của nhà trường và các tổ chuyên môn, thông qua các buổi sinh hoạt đã đánh giá tìm ra được những ưu điểm, tồn tại hạn chế để từ đó có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện của nhà trường và đối tượng học sinh, đồng thời kiểm điểm và tìm ra giải pháp khắc phục những tồn tại để hoạt động ngày một hoàn thiện hơn. [H1-1.4-05]

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý dạy thêm học thêm theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về dạy thêm học thêm [H1-1.8-03]; [H1-1.7-04]; [H1-1.1-03]; [H1-1.8-02]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể chỉ đạo việc tổ chức các hoạt động giáo dục, giảng dạy từng môn học và quản lý học sinh học tập theo hướng dẫn của ngành; triển khai sát tới từng cán bộ giáo viên, công nhân viên chức trong nhà trường. Nền nếp sinh hoạt chuyên môn đi vào chiều sâu và ổn định.

Công tác dạy thêm học thêm tại nhà trường thực hiện đúng chỉ đạo. Nhà trường thường xuyên kiểm tra việc dạy thêm của giáo viên trong và ngoài nhà trường. Nhìn chung giáo viên thực hiện tốt những Quy định về dạy thêm học thêm.

**3. Điểm yếu**

Trong triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị dạy học, điều kiện học tập của hoc sinh chưa được thuận lợi, do là vùng nông thôn nên thiếu sự quan tâm của phụ huynh vì ba mẹ lo kiếm sống, không sống chung nên cũng có phần hạn chế việc học của các em.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương. Tham mưu với các cấp lãnh đạo, tổ nhân dân tự quản triển khai đến từng hộ gia đình, đồng thời làm tốt công tác phối hợp với cha mẹ học sinh trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Tăng cường quản lý tốt công tác dạy thêm học thêm trong và ngoài nhà trường. Quán triệt đến từng cán bộ, giáo viên thực hiện tốt những Quy định về dạy thêm học thêm, không để xảy ra vi phạm.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GDĐT). [H1-1.9-03], [H1-1.9-02], [H1-1.9-05]

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật. [H1-1.9-04], [H1-1.9-08]

c) Thực hiện báo cáo Quy chế dân chủ đúng quy định [H1-1.9-01]

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch. [H1-1.9-06], [H1-1.9-02], [H1-1.4-11], [H1-1.9-07], [H1-1.7-05]; [H1-1.9-09]

**2. Điểm mạnh**

Đảm bảo thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động liên quan đến nhà trường;

Thực hiện tốt việc báo cáo đầy đủ, đúng nội dung và thời gian quy định về Phòng Giáo dục và Đào tạo;

Tập thể nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương cũng như sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; không có trường hợp nào vi phạm phải kiểm điểm phê bình hoặc xử lý kỷ luật.

**3. Điểm yếu**

Một số ít cán bộ, giáo viên và nhân viên còn e dè, ngại va chạm nên việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường vẫn còn những mặt hạn chế nhất định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát huy dân chủ, tăng cường công khai minh bạch tạo sự đồng thuận để dẩy mạnh các hoạt động của nhà trường có chất lượng tốt hơn nữa.

tuyên truyền, vận động để cán bộ giáo viên phát huy tốt tính dân chủ trong tập thể.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường đã chủ động xây dựng, đồng thời phổ biến, hướng dẫn đến toàn thể CBQL, GV, NV và HS thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-05], an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-10]; an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-06]; phòng, chống bạo lực học đường [H1-1.10-09] ... vào đầu mỗi năm học. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an xã đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong trường học và phòng chống bạo lực học đường [H1-1-10-01].

b) Để kịp thời thu nhận thông tin phản ánh về tình hình an ninh trong trường học, đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và HS, nhà trường đã xây dựng hộp thư góp ý và đường dây nóng qua số điện thoại 0918676713. Đặc biệt, nhà trường đã thường xuyên phối hợp kiểm tra, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, để có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. [H1-1.10-03]

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức sơ, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm. [H1-1-1.1-02].

c) Trong những năm qua, nhà trường không để xảy ra tình trạng bạo lực học đường cũng như mất an ninh trật tự trong trường học; không xảy ra tình trạng kỳ thị, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Nhà trường đã được UBND Thành phố Bến Tre cấp giấy chứng nhận nhà trường đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong giai đoạn 2013-2018.[H1-1.10-11]

Mức 2:

a) Nhà trường phổ biến hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-05]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-10]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-06]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-07]; phòng, chống các tệ nạn xã hội [H1-1.10-08] và phòng chống bạo lực trong nhà trường[H1-1.10-09] .

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-04]

**2. Điểm mạnh**

Chủ động trong việc thành lập các ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch đảm bảo ANTT, an toàn trường học, PCCC, Phòng chống tệ nạn xã hội…..

Nhà trường triển khai đồng bộ, phối hợp hiệu quả các hoạt động đảm bảo ANTT, an toàn PCCC, đảm bảo bình đẳng giới trong nhà trường.

Được UBND thành phố cấp giấy công nhận cho đơn vị đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trường học giai đoạn 2013 – 2018.

**3. Điểm yếu**

Công tác phối hợp với công an xã mặc dù có thực hiện nhưng đôi lúc chưa thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Lãnh đạo trường tiếp tục phối hợp với công an xã, các ban ngành liên quan xây dựng các phương án nhằm tiếp tục đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong trường học.

Lãnh đạo trường xây dựng kế hoạch phối hợp thường xuyên với ngành công an và chính quyền xã trong việc đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và HS.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

Điểm mạnh nổi bật:

Chi bộ Đảng trong nhà trường phấn đáu đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Chi bộ lãnh đạo nhà trường bằng Nghị quyết của nhiệm kỳ, Nghị quyết của năm và Nghị quyết hàng tháng thông qua hoạt động của từng Đảng viên. Tất cả Đảng viên trong chi bộ đều thể hiện được tính gương mẫu, đi đầu trong công tác. Chi bộ được Đảng bộ cấp trên công nhận là chi bộ trong sạch vững mạnh.

Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà truwòng được công nhận vững mạnh. Công đoàn, chi đoàn, đội TNTP HCM được duy trì và củng cố để được đánh giá công nhận vững mạnh.

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành, hoạt động có kế hoạch, nề nếp, đạt hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng nề nếp kỷ cương trong nhà trường.

Tổ chuyên môn được thành lập và hoạt động theo quy định hiện hành của Điều lệ trường THCS. Các tổ chuyên môn có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi giáo viên và đội ngũ giáo viên giỏi, học sinh giỏi. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ mỗi tháng 2 lần, tổ chức trao đổi về chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy, trao đổi về việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, việc khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn giảng.

Tổ văn phòng ddảm nhận công việc: văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học, bảo vệ và phục vụ các hoạt động của nhà trường theo quy định hiện hành của Điều lệ trường trung học. Tổ văn phòng quản lý hệ thống hồ sơ, sổ sách của nhà trừong. Hướng dẫn sử dụng theo quy định của Điều lệ trường trung học và những quy định trong hướng dẫn sử dụng của từng loại sổ.

Hội đồng truwòng và các hội đồng khác trong nhà trường htực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành, hoạt động có kế hoạch nề nếp, đạt hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng nề nếp kỉ cương trong nhà trường.

Trong quá trình hoạt động CBGVNV nhà trường chấp hành và thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định của ngành giáo dục, đảm bảo tốt an ninh chính trị, đoàn kết; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Các tổ chuyên môn phần lớn là tổ ghép của nhiều môn nên tổ trưởng gặp không ít khó khăn trong điều hành hoạt động của tổ, chưa có nhiều giải pháp nâng cao chất lượng nên về chất lượng mang lại kết quả chưa cao.

Việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của các tổ chức đôi lúc chưa thường xuyên, một số hoạt động còn mang nặng về hình thức, chưa đi vào chiều sâu. Việc thực hiện nhiệm vụ của một số thành viên còn hời hợt, trách nhiệm chưa cao dẫn đến hiệu quả công việc còn hạn chế.

Thành viên của các tổ chức đảm đương nhiều nhiệm vụ nên đôi lúc làm công tác tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng chưa kịp thời còn hạn chế.

Trong triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị dạy học, điều kiện học tập của hoc sinh chưa được thuận lợi, thiếu sự quan tâm của phụ huynh vì ba mẹ lo kiếm sống.

Mức 1: Tổng số tiêu chí: 10

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Mức 2: Tổng số tiêu chí: 10

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Mức 3: Tổng số tiêu chí: 10

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 08

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu**:

Nhà trường có Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng vượt chuẩn đào tạo theo quy định của Điều lệ trường trung học; có nhiều năm công tác, có kinh nghiệm và năng lực quản lý tốt; tích cực, nhiệt tình, có trách nhiệm cao; năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục. Về chất lượng đội ngũ, Trường có đủ giáo viên ở tất cả các môn học, 100% giáo viên đạt chuẩn trong đó có 90,6% giáo viên trên chuẩn đào tạo theo quy định của Điều lệ trường trung học. Giáo viên tích cực, nhiệt tình, có ý thức học hỏi, rèn luyện và phấn đấu trong chuyên môn, hằng năm có nhiều giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Nhà trường có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn phòng, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị đạt chuẩn về trình độ đào tạo, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Học sinh của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp luật; đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm; được đảm bảo các quyền theo quy định.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng cán bộ quản lý; Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường trung học [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được các cấp có thẩm đánh giá xếp loại theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường THCS, theo Thông tư số 29/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và công văn Số: 630/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 16 tháng 2 năm 2012 V/v hướng dẫn đánh giá, xếp loại phó hiệu trưởng các trường mầm non, phổ thông và phó giám đốc TT GDTX [H2-2.1-01] .

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-01]

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định [H2-2.1-02]; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt [H2-2.1-01]

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có thâm niên công tác trong ngành, đạt trình độ trên chuẩn đào tạo của cấp học; đều có bằng trung cấp chính trị, có chứng chỉ quản lý giáo dục, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm chỉ đạo các hoạt động dạy học trong nhà trường. Trong các năm học qua đều đã hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ năm học, được UBND tỉnh khen, được tập thể hội đồng nhà trường tín nhiệm.

**3. Điểm yếu**

Khả năng ngoại ngữ hạn chế; việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của giáo viên và học sinh đôi khi chưa được thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục phát huy vai trò gương mẫu, có tinh thần trách nhiệm hơn nữa trong công tác quản lý nhà trường.

Phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước cấp trên.

Ban Lãnh đạo nhà trường tăng cường việc học tập để nâng cao trình độ ngoại ngữ dể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiện nhà trường có tổng số 42 cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đó Cán bộ quản lý: 02 người, Giáo viên 33 người; nhân viên 07 người; Có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác [H2-2.2-01].

b) Có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học. Căn cứ trình độ đào tạo, năng lực của giáo viên, hàng năm nhà trường phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực, đúng trình độ đào tạo [H1-1.7-02]; [H2-2.2-01].

c) Các giáo viên hàng năm được nhà trường phân công nhiệm vụ giảng dạy và kiêm nhiệm cụ thể, phù hợp với năng lực của từng thành viên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao, thông qua việc đánh giá, xếp loại giáo viên, đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp; Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Nhà trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên vì vậy tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H1-1.7-01]; [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 85 - 95% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Năm học 2018-2019 việc đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên thực hiện theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [H1-1.1-02]; [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H1-1.4-07].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04]; [H1-1.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ giáo viên để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công. Khi phân công công việc cho các giáo viên đều phù hợp, hợp lý theo năng lực, đúng trình độ đào tạo. Nhà trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh, tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Các giáo viên đều được xem xét theo nguyện vọng, tạo điều kiện tốt nhất để được đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc chấp hành chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tuân thủ nghiêm các nội quy, quy định của ngành, của nhà trường; có ý thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phát huy và lan tỏa tốt năng lực của bản thân với bạn bè đồng nghiệp thông qua các giải pháp, sáng kiến đã góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng của nhà trường. 100% CBGV, NV thực hiện tốt quy định về quyền và trách nhiệm của bản thân tại cơ quan đơn vị. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, nhà trường luôn tuyên truyền, triển khai đầy đủ các chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước về quyền và nhiệm vụ của cán bộ công chức viên chức; việc nhận thức của cán bộ giáo viên, đặc biệt là ý thức trách nhiệm ngày một nâng cao, do đó trong những năm qua tập thể cán bộ, viên chức trong nhà trường luôn đoàn kết, chấp hành tốt mọi nội quy quy chế của nhà trường, không có trường hợp nào vi phạm dẫn đến kỷ luật từ khiển trách trở lên; Nhà trường không có giáo viên yếu kém về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức. Mỗi năm có ít nhất 15% giáo viên có sáng kiến, giải pháp đưa vào áp dụng trong công tác giảng dạy và quản lý học sinh một cách có hiệu quả; Năm học 2018-2019 toàn trường đã đề xuất 23 giải pháp, sáng kiến được công nhận cấp thành phố, có 5 sáng kiến được đề nghị cấp tỉnh; có báo cáo nghiên cứu khoa học cấp thành phố và cấp tỉnh.

**3. Điểm yếu**

Biên chế giáo viên ở các bộ môn vẫn còn thừa - thiếu cục bộ nên việc phân công gặp chút khó khăn.

Đội ngũ nhân viên còn thiếu so với biên chế vị trí việc làm (thiếu nhân viên y tế), các công việc phụ trách thiết bị, thí nghiệm.... đều phải kiêm nhiệm, chưa qua đào tạo hoặc đào tạo không chính quy dẫn đến đôi lúc công việc vẫn chưa đạt hiệu quả cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền, điều động, bố trí lại cơ cấu giáo viên sao cho đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu;

Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các nhân viên chuyên trách như thư viện, văn thư, kế toán, thủ quỹ; chỉ thường xuyên thay đổi vị trí kiêm nhiệm thiết bị do giáo viên đến tuổi hưu hoặc luân chuyển kế toán theo yêu cầu của Phòng giáo dục và Đào tạo [H2-2.2-01]. Hiện trường còn thiếu nhân viên y tế đã nghỉ việc từ đầu năm học 2018-2019.

b) Nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực như giáo viên lý, hóa, sinh kiêm phụ trách phòng thiết bị lý, hóa, sinh; Giáo viên tin học kiêm nhiệm phụ trách phòng tin học [H1-1.7-02].

c) Giáo viên phụ trách các phòng chức năng luôn có ý thức và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Hằng năm, các nhân viên đã hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01] .

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định, đã phân công nhiệm vụ và bố trí giáo viên kiêm nhiệm thực hiện đầy đủ nội dung công việc của các vị trí việc làm theo quy định [H2-2.2-01]; [H1-1.7-02]. Hiện trường còn thiếu nhân viên y tế đã nghỉ việc từ đầu năm học 2018-2019.

b) Nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao vì vậy trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên và luôn được đánh giá là hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H1-1.7-03], [H2-2.3-01].

Mức 3:

a) Đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm; nhân viên kế toán, văn thư, thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02]. Hiện trường còn thiếu nhân viên y tế đã nghỉ việc từ đầu năm học 2018-2019.

b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H2-2.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Tất cả nhân viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công tác, thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của mình. Hàng năm nhân viên được đánh giá hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu**

Đôi lúc trong công việc còn lúng túng, chưa có những biện pháp khoa học để xử lí các tình huống phát sinh.

Chưa tuyển dụng được nhân viên y tế trường học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền điều động hoặc tuyển mới nhân viên y tế cho nhà trường.

Tiếp tục tạo điều kiện để nhân viên đi học bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; hàng tháng, hàng kỳ có kiểm điểm rút kinh nghiệm để tìm ra biện pháp phù hợp nhất trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ vào đặc điểm, số lượng học sinh trong độ tuổi trên địa bàn 2 xã Mỹ Thạnh An và Phú Nhuận, nhà trường lập kế hoạch tuyển sinh học sinh theo đúng quy định. Nhà trường cũng đã bố trí hợp lý các giáo viên có kinh nghiệm về công tác tuyên truyền vận động học sinh dến trường theo qui định; phối hợp tốt với chính quyền địa phương từ tổ tự quản, ấp, đến xã để vận động học sinh trong độ tuổi đến trường. Trong những năm qua tỉ lệ học sinh ra lớp của nhà trường luôn đạt tỉ lệ 99-100% [H1-1.5-01] b) Hàng năm, các giáo viên chủ nhiệm lớp phối hợp tốt với các tổ chức chính trị-xã hội trong nhà trường, Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh triển khai đầy đủ và kịp thời tới học sinh trong toàn trường, phụ huynh học sinh các lớp nắm bắt và phối hợp giáo dục học sinh thực hiện các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường trung học [H1-1.5-04]; [H1-1.5-02].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường trung học và các quy định khác như Luật trẻ em…Mọi chế độ liên quan đến học sinh đều được nhà trường giải quyết đúng, đủ, kịp thời do đó đã tạo được sự tin tưởng của Cha mẹ học sinh và các cấp chính quyền địa phương [H1-1.2-03]; [H2-2.4-02].

Mức 2:

Nhà trường có thành lập tổ tư vấn học đường; xây dựng và bổ sung nội quy, quy chế hoạt động hàng năm, kịp thời, phù hợp với thực tế; tổ chức quán triệt đến 100% học sinh được biết và thực hiện. Liên đội thành lập đội cờ đỏ, đội xung kích thường xuyên kiểm tra, giám sát hàng tuần, hàng tháng, do đó các hành vi vi phạm đều được phát hiện sớm và có biện pháp giáo dục kịp thời. Mọi chế độ chính sách của học sinh được nhà trường thực hiện đầy đủ [H1-1.2-03]; [H2-2.4-02].

Mức 3:

[H2-2.4-01]Trong những năm học qua học sinh nhiều cố gắng trong rèn luyện và học tập do đó có thành tích trong học tập, rèn luyện nhiều em đạt giải cao trong các kỳ thi do ngành giáo dục đào tạo tổ chức [H1-1.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm chất lượng giáo, hàng năm có kế hoạch cụ thể chỉ đạo theo từng kỳ, tháng, năm học; có kế hoạch phối hợp trong công tác giáo dục học sinh. Vì vậy, trong những năm học qua công tác tuyển sinh đầu cấp luôn đúng độ tuổi và đạt chỉ tiêu trong việc huy động học sinh ra lớp. Trường không có học sinh vi phạm, học sinh cá biệt phải buộc thôi học. Trong những năm qua, trường có nhiều học sinh đạt thành tích cao trong học tập, nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi do nghành giáo dục tổ chức. Không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới, không có hiện tượng bạo lực học đường, chất lượng giáo dục luôn được duy trì và nâng cao; tỉ lệ duy trì sĩ số luôn đạt 99% trở lên.

**3. Điểm yếu**

Ý thức chấp hành nội quy, quy định của trường lớp của một số học sinh còn hạn chế, việc không học và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp vẫn còn sảy ra ở hầu hết các lớp; Việc nhận thức của một số phụ huynh học sinh chưa đầy đủ, còn phó mặc việc giáo dục cho thầy cô, việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường đôi lúc còn chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng học sinh lười học vẫn còn rải rác ở các lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tăng cường công tác tuyên truyền, nêu cao ý thức trách nhiệm của cán bộ giáo viên và học sinh trong thực hiện nề nếp, nội quy, chức trách nhiệm vụ.

Có biện pháp kiểm tra chặt chẽ hơn nữa trong việc tổ chức thực hiện nội quy của nhà trường, đặc biệt là nội quy về học tập để nâng cao hơn nữa tinh thần tự học và tự nghiên cứu tìm tòi kiến thức của học sinh.

Tuyên truyền và phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các bậc phụ huynh học sinh trong việc quản lý học sinh nhất là ngoài giờ học chính khóa tại gia định.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

Điểm mạnh nổi bật:

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. 100% cán bộ giáo viên, nhân viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định của cấp học, tỷ lệ trên chuẩn cao, có ý thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Học sinh đến trường đúng độ tuổi, chấp hành tốt nội quy trường học. Nhà trường luôn đảm bảo quyền cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh theo các quy định trong Điều lệ trường Trung học và quy định của pháp luật. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giáo viên, nhân viên theo học đầy đủ các lớp trên chuẩn, các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do các cấp tổ chức.

Điểm yếu cơ bản:

Một số giáo viên lớn tuổi nên việc tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp giảng dạy đạt hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Vẫn còn một số ít học sinh vi phạm những điều quy định học sinh không được làm, vi phạm nội quy nhà trường.

Mức 1: Tổng số tiêu chí: 4

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 2: Tổng số tiêu chí: 4

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 3: Tổng số tiêu chí: 4

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 1

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học**

**Mở đầu**:

Khuôn viên nhà trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường; các khu vực trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch, đẹp...đảm bảo đủ điều kiện tổ chức các hoạt động dạy học và sinh hoạt. Tổng diện tích mặt bằng của trường là 5905,7 m2. Nhà trường có kế hoạch sửa chữa bổ sung nâng cấp kịp thời, đảm bảo phục vụ cho các hoạt động của trường. Phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, đủ để học sinh học hai ca trong một ngày; bên trong đủ bàn ghế giáo viên, học sinh phù hợp với tầm vóc, có bảng viết và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát.

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có chú trọng xây dựng khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H1-1.1-02].

b) Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn. Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H1-1.1-02].

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H1-1.1-02].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường đều có xây dựng kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất và tạo khu sân chơi cho học sinh. Tuy nhiên, hiện nay nhà trường vẫn chưa có được đường chạy theo tiêu chuẩn [H3-3.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định, có diện tích ít nhất 10m2/học sinh. Có khu sân chơi bãi tập nhưng chưa đảm bảo ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã phân công phân nhiệm cho các bộ phận trong việc thực hiện các hoạt động liên quan đến thiết bị, thư viện, kế toán, mua sắm và tổ chức thực hiện đồng bộ nhằm tạo khuôn viên nhà trường ngày một khang trang, có đủ điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục. Nhà trường cũng nhận được sự ủng hộ, tạo điều kiện của các cơ quan chức năng và sự quan tâm đầu tư kinh phí của ngành, của mạnh thường quân, của UBND xã Phú Nhuận trong việc cải tạo khu sân chơi, bãi tập.

**3. Điểm yếu**

Hiện tại thì nhà trường vẫn tiếp tục đầu tư đường chạy cho học sinh học môn thể dục. Sân trường chưa khắc phục triệt để tình trạng ngập nước vì mặt bằng sân thấp và đường thoát nước nhỏ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, nhà trường sẽ thường xuyên tranh thủ sự ủng hộ, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giáo dục hàng năm. Thực hiện xây dựng sửa chữa các yếu điểm trên vì trường được thành lập từ 2002 hoạt động đến nay vẫn còn những tồn tại lâu dài mà chưa được khắc phục.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập**

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 8 phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H1-1.1-02]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

b) Có 6 phòng học bộ môn theo quy định (Lí, Hóa, Sinh, Tin học, Tiếng Anh, Nhạc) [H1-1.1-02]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

c) Trường có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống [H1-1.1-02]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-01]; [H1-1.1-02].

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học, tuy nhiên độ chính xác đã không còn đảm bảo [H3-3.2-01]; [H3-3.2-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học; luôn tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan và sự quan tâm đầu tư kinh phí của ngành trong việc cải tạo bàn ghế, đồ dùng dạy học, hệ thống phòng chức năng đảm bảo đủ trang thiết bị để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ.

**3. Điểm yếu**

Trang thiết bị cũng chưa thực sự đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động của nhà trường. Nhà trường cũng từng lúc bổ sung thêm kinh phí để đầu tư thêm những thiết bị đã hư hỏng. Diện tích phòng bộ môn chưa thật sự đủ diện tích để tổ chức hoạt động học tập với số lượng học sinh 40 HS/lớp theo thực tế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, nhà trường đã, đang và sẽ tiếp tục đề xuất kế hoạch tu sửa, mua sắm trang thiết bị đáp ứng cho các hoạt động khối phòng học, phòng bộ môn, khối phục vụ học tập hàng năm.

Xây dựng thêm dãy phòng học để nhà trường có thể dạy tập trung 01 buổi/ngày. Còn buổi chiều thì dành cho các hoạt động rèn luyện, hoạt động tập thể.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị**

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khối hành chính - quản trị của đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.1-01]; [H3-3.2-02].

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị [H1-1.6-02].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị của nhà trường đáp ứng được theo quy định. Trường có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục. Ngoài ra, trường còn có phòng nghỉ cho giáo viên, phòng tư vấn tâm lí cho học sinh. Khu nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Có khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Định kỳ nhà trường cũng sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị theo tình hình thực tế. Khối hành chính - quản trị (Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên) theo quy định [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

Mức 3:

Khối hành chính – quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lí, khoa học và hỗ trợ tương đối hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường cơ bản có đầy đủ các khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường vẫn cần bổ sung thêm phòng để đáp ứng tốt hơn nữa hiệu quả các hoạt động hành chính - quản trị.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, nhà trường thường xuyên tăng cường cải tạo và mua sắm thêm những đồ dùng cần thiết tạo điều kiện giúp các bộ phận làm việc tốt.

Một số phòng cần được sửa chửa, mở rộng để đảm bảo về diện tích theo quy định.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-01]; [H1-1.4-06].

b) Có hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-01]; [H1-1.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01]; [H1-1.4-06].

b) Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03]; [H1-1.1-02]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm sửa chữa khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, cung cấp nước sạch, xử lý rác đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Hệ thống đường ống thoát nước nhỏ, sân trường còn thấp so với tỉnh lộ 887 và các nhà dân xung quanh nên dẫn đến nước tình trạng ứ đọng nước mỗi khi trời mưa lớn. Khu vệ sinh học sinh vẫn chưa thật sự đảm bảo phục vụ tốt cho học sinh và khử mùi hạn chế gây ảnh hưởng đến phòng học của học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, nhà trường sẽ thực hiện cải tạo hệ thống thoát nước, nâng sân trường chống ngập nước khi mưa lớn. Sửa chữa khu vệ sinh đảm bảo phục vụ tốt cho sinh hoạt và học tập của học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có tương đối đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

b) Hằng năm, trường có bổ sung mua sắm các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định [H1-1.6-02].

c) Đồng thời, cuối mỗi năm, nhà trường còn tổ chức kiểm kê số lượng chất lượng các trang thiết bị sẵn có, sửa chữa những thiết bị hư hỏng để đáp ứng yêu cầu dạy học [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học tương đối tốt [H3-3.5-01]; [H1-1.6-02].

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02].

c) Hàng năm, trường mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.[H3-3.5-02]; [H1-1.6-02].

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm bổ sung thiết bị cho bộ phận văn phòng, thiết bị dạy học cho giáo viên trong hoạt động chung, đảm bảo tốt cho hoạt động dạy học của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Thiết bị vẫn còn thiếu để giáo viên có thể dạy học ứng dụng công nghệ thông tin trải đều ở các môn học (do các thiết bị điện tử hư hỏng nhiều, các thiết bị dạy học thì cũ kĩ và không còn đáp ứng được tình hình thực tế). Các thiết bị hiện có chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, nhà trường thường xuyên tranh thủ sự ủng hộ, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giáo dục hàng năm. Cập nhật bổ sung các thiết bị, thanh lí các thiết bị không còn sử dụng hoặc không còn phù hợp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01]; [H1-1.6-02].

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh [H3-3.6-01]; [H1-1.6-02].

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-01]; [H1-1.6-02].

Mức 2:

Hàng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02]; [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường chú trọng xây dựng Thư viện trường học tiên tiến nên hàng năm luôn xây dựng kế hoạch hướng đến mục tiêu này. Hằng năm, bộ phận thư viện có cập nhật kịp thời các sản phẩm đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Thư viện chưa có nhiều máy tính để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, nhà trường tập trung xây dựng kế hoạch thiết thực và hiệu quả lâu dài đảm bảo làm tốt chức năng của Thư viện mang lại nhiều kiến thức bổ ích từ sách giấy và sách điện tử.

Trường bổ sung máy tính có kết nối Internet phục vụ nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học cho giáo viên và học sinh. Xây dựng Thư viện trường học tiên tiến.

**5. Tự đánh giá:**  Đạt mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

Điểm mạnh nổi bật:

Trường THCS Hoàng Lam đã làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo các cấp, tranh thủ sự ủng hộ của mạnh thường quân, phát huy tính phối hợp nên công tác xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trong nhà trường phần nào đã đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu của giáo dục.

Nhà trường có khuôn viên đảm bảo theo quy định, phân chia khối phòng cụ thể, có tường bao, cổng trường, biển trường và xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp.

Nhà trường có đầy đủ phòng cho học sinh học văn hóa và các phòng chức năng, trong phòng có đủ bàn ghế học sinh theo quy định, có đủ bàn ghế giáo viên, có bảng từ chống lóa theo đúng quy định. Các phòng học đảm bảo đầy đủ ánh sáng thoáng mát.

Nhà trường có cơ bản đầy đủ các khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị. Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục. Có khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Nhà trường luôn quan tâm sửa chữa khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, cung cấp nước sạch, xử lý rác đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Nhà trường có đủ thiết bị và đồ dùng dạy học, quản lý sử dụng theo quy định của BGD-ĐT và các quy định khác. Nhà trường luôn quan tâm bổ sung thiết bị cho bộ phận văn phòng, thiết bị dạy học cho giáo viên trong hoạt động chung.

Hoạt động của thư viện nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu học tập, tham khảo của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường chú trọng xây dựng Thư viện trường học tiên tiến nên hàng năm luôn xây dựng kế hoạch hướng đến mục tiêu này. Có cập nhật kịp thời các sản phẩm đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Trang thiết bị cũng chưa thực sự đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động của nhà trường. Một số trang thiết bị còn chưa đảm bảo về chất lượng. Các phòng học chưa được trang bị đủ máy chiếu, tivi.

Diện tích phòng chức năng khá chật chội khi bố trí, tổ chức học sinh tham gia hoạt động nhóm với số lượng 40HS/lớp.

Trường còn dạy học chia theo khối lớp theo buổi nên giáo viên và học sinh còn bị động trong việc tổ chức học và rèn luyện; khó tổ chức cho học sinh vừa lĩnh hội kiến thức, vừa đảm bảo sức khỏe, chủ động thời gian quản lý các hoạt động khác.

Mức 1: Tổng số tiêu chí: 6

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Mức 2: Tổng số tiêu chí: 6

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Mức 3: Tổng số tiêu chí: 04

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 00

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 4

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**:

Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động. Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực phát triển nhà trường và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội nghị cha mẹ học sinh nhà trường đầu mỗi năm học đã bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường. Ban đại diện gồm có: 1 Trưởng ban, 1 Phó ban và các ủy viên. Ban Đại diện có phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên [H4-4.1-01]. Nhà trường đã và đang phối hợp rất hiệu quả với Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục. Hàng năm nhà trường đã triển khai tổ chức 3 lần Hội nghị cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới, kết thúc học kỳ I và cuối năm học. Mỗi lần Hội nghị Nhà trường thường xuyên đều lắng nghe, hội ý, trao đổi, bàn bạc với cha mẹ học sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học các ý kiến đề xuất của cha mẹ học sinh và tìm ra những giải pháp thoả đáng để nâng cao cao hiệu quả dạy học. Mỗi lần họp các lớp đều có ghi biên bản tổng hợp các ý kiến đóng góp của cha mẹ học sinh. [H4-4.1-04]. Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

b) Ngay sau khi thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh đã lên kế hoạch và hoạt động theo đúng kế hoạch đã đề ra. [H4-4.1-02]. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho Ban Đại diện cha mẹ học sinh hoạt động. Trong Hội nghị cha mẹ học sinh đầu năm nhà trường báo cáo tình hình nhiệm vụ năm học, đề ra kế hoạch, chủ trương giải pháp trong năm học mới để cha mẹ học sinh biết. Từ đó Ban đại diện tham gia bàn bạc thống nhất các biện pháp cùng nhà trường thực hiện. Nhà trường - GVCN và cha mẹ học sinh đã cam kết về thực hiện trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS.

c) Nhà trường đã phối hợp cùng với Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Hội cha mẹ học sinh để thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm một cách hiệu quả và đã hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn kết hợp chặt chẽ, thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình; thường xuyên báo cáo về tình hình hoạt động của Ban để nhà trường nắm bắt kịp thời. Nhờ vậy đã tạo nên mối gắn kết giữa ba môi trường giáo dục: Gia đình - Nhà trường - Xã hội. Ngoài việc trao đổi đột xuất giữa các giáo viên chủ nhiệm với phụ huynh học sinh; hàng tháng nhà trường đều gửi kết quả học tập và rèn luyện của học sinh đến từng phụ huynh thông qua hệ thống vnedu.[H4-4.1-05];[H4-4.1-03]

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, tổ chức thực hiện nhiệm vụ,quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS. Nhà trường và GVCN đã cam kết với cha mẹ học sinh về thực hiện trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS. Nhà trường đã phối hợp cùng với Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm một cách hiệu quả và đã hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-05]. Mỗi cuộc họp đều thể hiện rõ ràng ở các biên bản [H4-4.1-01]. Cuối mỗi năm học, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều có báo cáo tổng kết năm học cụ thể, rõ ràng [H4-4.1-03]. Các báo cáo của nhà trường hằng năm, các biên bản kiểm tra của các cấp có thẩm quyền đều có nội dung đánh giá việc nhà trường tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả [H1-1.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS phối hợp với Nhà trường thực hiện tương đối hiệu quả theo Điều lệ Ban đại diện CMHS. Nhà trường đã phối hợp cùng với Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm một cách hiệu quả và đã hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh .[H4-4.1-05]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động. Ban đại diện CMHS có tổ chức, nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS. Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với CMHS, Ban đại diện CMHS để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của CMHS, cũng như từng lúc đóng góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh hưởng ứng nhiệt tình các đợt thi đua do nhà trường phát động tới từng lớp, từng học sinh có biểu dương, khen, chê kịp thời để học sinh các lớp phấn đấu. Ban đại diện cha mẹ học sinh họp thường xuyên qua các giai đoạn để nắm bắt tình hình các lớp. Mọi công việc của Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn đảm bảo tính dân chủ, thực hiện một cách công khai minh bạch.

**3. Điểm yếu**

Đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường, của từng lớp đôi lúc chưa mạnh dạn đề xuất ý kiến trước cuộc họp cha mẹ học sinh để góp phần nhằm nâng cao chất lượng giáo dục hơn nữa. -Việc nhận thức ở một số phụ huynh chưa đầy đủ, còn phó mặc việc giáo dục học sinh cho các giáo viên và nhà trường; sự phối hợp với giáo viên trong việc quản lý học sinh chưa thường xuyên, nhất là quản lý học sinh ngoài giờ học chính khoá.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đẩy mạnh hoạt động của Ban đại diện CMHS nhằm kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục. Vận động CMHS tham gia tích cực, nhiệt tình hơn trong các hoạt động. -Tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh Tham mưu đề xuất ý kiến về công tác quản lý của nhà trường. Nhà trường tạo điều kiện, có kế hoạch cụ thể kịp thời để đại diện cha mẹ học sinh toàn trường, và các lớp thực hiện tốt Điều lệ, Nghị quyết đề ra đầu năm học. Nhà trường thường xuyên đóng góp ý kiến cho các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường có hiệu quả.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng tháng đại diện Ban Chi ủy Chi bộ nhà trường đều tham dự cuộc họp theo quy định tại Đảng bộ xã Phú Nhuận, để nắm bắt tình hình phát triển của toàn xã. Từ đó tham mưu kịp thời, hiệu quả với cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Căn cứ với điều kiện thực tế của nhà trường, Hiệu trưởng đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương lập kế hoạch và các biện pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch giáo dục và phát triển nhà trường, trong đó cụ thể nhất được thể hiện qua kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2016-2020 [H4-4.2-01]; Kế hoạch cụ thể hóa nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2016-2020 [H4-4.2-02]; Kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm [H4-4.2-03].

b) Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng các hình thức như qua các cuộc họp, các phương tiện truyền thông tại địa phương….. phối hợp với Hội đồng giáo dục, Hội khuyến học, Ban đại diện cha mẹ học sinh để tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục. Hàng năm đều có báo cáo kết quả thực hiện hoạt động giáo dục của trường [H4-4.2-03]; [H1-1.1-02].

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên tham mưu với ngành, cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương trong các hội nghị giao ban hàng tháng, quý của Đảng uỷ, UBND xã nhằm huy động các nguồn lực hợp pháp đúng quy định của các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nhà trường đặc biệt là huy động nguồn lực tự nguyện từ phía phụ huynh để để xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất của nhà trường như nâng cấp sân trường, xây các bồn hoa, khu thư viện xanh, xây dựng nhà vệ sinh, sửa chữa bàn ghế, lắp đặt hệ thống camera, mái che nắng... . Do vậy, cơ sở vật chất nhà trường và khung cảnh giáo dục của nhà trường luôn luôn được tu bổ khang trang sạch đẹp môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh, hiệu quả phù hợp với điều kiện địa phương, đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục. Mỗi năm học nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức cho học sinh đồng thời chỉ đạo các bộ phận Đoàn Đội, tổ chuyên môn phối hợp tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt ngoại khóa, giáo dục truyền thống theo chủ điểm hàng tháng [H4-4.2-04]. Tổ chức và hướng dẫn học sinh tham gia tốt các hội thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, quê hương đất nước do các ngành các cấp tổ chức; Thực hiện tốt chương trình giáo dục lịch sử địa phương lồng ghép vào các giờ dạy Lịch sử, Địa lí trên lớp. Tổ chức chương trình tham quan về nguồn, hành trình đi tìm địa chỉ đỏ giúp HS tìm hiểu tốt hơn về lịch sử văn hóa dân tộc Nhà trường xây dựng kế hoạch phân công Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh thực hiện công tác chăm sóc đền thờ liệt sĩ, di tích văn hóa Đình Phú Nhuận chăm sóc gia đình có công với nước, Mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương xã Phú Nhuận đơn vị nơi trường công tác. Đăng kí với UBND xã và xếp lịch cố định hàng tuần việc đưa học sinh đến chăm sóc Đền thờ liệt sỹ địa phương [H4-4.2-05]. Đưa học sinh đến thăm viếng chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng vào các dịp lễ, tết trong năm. Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động giáo dục học sinh và các hoạt động giáo dục khác kèm theo [H4-4.2-06].

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tham mưu tốt với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để có những kế hoạch hoạt động hiệu quả, thiết thực. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các tổ chức đoàn thể địa phương góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Các tổ chức đoàn thể, cá nhân luôn quan tâm tới các hoạt động giáo dục, ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học động viên kịp thời những học sinh có thành tích xuất sắc, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh khuyết tật. Tổ chức thành công nhiều phong trào, đa số học sinh có ý thức tìm hiểu, giữ gìn và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc.

**3. Điểm yếu**

Nguồn lực huy động trong phụ huynh còn rất thấp do kinh tế của đại đa số phụ huynh còn thấp. Địa phương không có nhiều doanh nghiệp đóng trên địa bàn vì vậy các nguồn lực tự nguyện ủng hộ nhà trường phục vụ cho hoạt động giáo dục còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng và phát triển nhà trường. Tăng cường tổ chức các buổi giao lưu với các tổ chức xã hội trong địa bàn xã vào các ngày lễ lớn, cũng như các hoạt động giáo dục của nhà trường, để góp phần xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn và lành mạnh. Khuyến khích động viên kịp thời cả về tinh thần lẫn vật chất với những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện. Tổ chức rút kinh nghiệm có hiệu quả về sự phối hợp giữa nhà trương với các tổ chức đoàn thể ngoài nhà trường. Tiếp tục duy trì, phát huy giữ gìn truyền thống nhà trường và địa phương, chăm sóc các công trình văn hóa trên địa bàn xã Phú Nhuận tích cực tuyên truyền cho học sinh thăm hỏi, giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với nước, người già neo đơn. Giáo dục ý thức bảo vệ các di sản văn hóa tại địa phương, tham gia tốt an toàn giao thông và thực hiện nghiêm túc văn hóa học đường, tổ chức các cuộc thi viết về gương người tốt, việc tốt... Tăng cường công tác tuyên truyền trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục. Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

**5. Tự đánh giá:**  Đạt mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường gắn kết chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, tạo điều kiện tốt cho Ban đại diện cha mẹ học sinh làm việc theo đúng Điều lệ. Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với CMHS, Ban đại diện CMHS để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường.

Nhà trường có chủ động tham mưu với Đảng ủy, chính quyền địa phương về kế hoạch và chiến lược phát triển nhà trường.

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp tốt với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể địa phương xây dựng môi trường giáo dục an toàn và lành mạnh.

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân huy động các nguồn lực, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy và học tập, ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần, động viên kịp thời những học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bệnh tật.

Tổ chức thành công nhiều phong trào, đa số học sinh có ý thức tìm hiểu, giữ gìn và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc.

Điểm yếu cơ bản:

Đại diện cha mẹ học sinh của trường, của từng lớp cần mạnh dạn đề xuất ý kiến trước cuộc họp cha mẹ học sinh để góp phần xây dựng nâng cao cơ sở vật chất, và những ý kiến đề xuất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục hơn nữa.

Nguồn lực huy động trong phụ huynh còn rất thấp do kinh tế của đại đa số phụ huynh còn thấp.

Việc huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn phục vụ cho hoạt động giáo dục còn hạn chế.

Mức 1: Tổng số tiêu chí: 2

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Mức 2: Tổng số tiêu chí: 2

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Mức 3: Tổng số tiêu chí: 2

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu**:

Trong những năm qua, nhà trường đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Đồng thời nhà trường cũng thực hiện tốt những quy chế, quy định của ngành, thực hiện đúng chương trình giáo dục, không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, tỷ lệ học sinh đạt giải qua các kì thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh trong những năm gần đây từng bước được nâng lên. Hằng năm bộ phận chuyên môn có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và đưa ra các giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, vào đầu các năm học, nhà trường dựa trên kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo, các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; Sở GD&ĐT Bến Tre về thực hiện nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch công tác của nhà trường, thực hiện đúng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, như: Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục, được thể hiện rõ trong Kế hoach hoạt động chuyên môn của nhà trường, Kế hoạch dạy học các môn [H1-1.4-04]; [H1-1.4-11]; [H1-1.7-04]; [H5-5.1-04];

b) Hàng năm, tháng, tuần các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn để trao đổi thống nhất việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với các đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Giáo viên bộ môn và các bộ phận trong nhà trường chú trọng bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn để giải quyết các tình huống trong học tập cũng như trong thực tiễn cuộc sống.[H5-5.1-02];[H5-5.1-03];

Bộ phận chuyên môn đã chỉ đạo giáo viên bộ môn thay đổi cách kiểm tra truyền thống, xây dựng kế hoạch đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh. Các đề kiểm tra vừa đáp ứng yêu cầu của chuẩn kiến thức kĩ năng, vừa đảm bảo phân hóa các đối tượng học sinh. Hình thức kiểm tra được xây dựng đa dạng và luôn đảm bảo khách quan, hiệu quả. [H1-1.1-02]

Mức 2:

a) Căn cứ yêu cầu kiến thức kỹ năng của từng môn học và khung thời lượng chương trình, ngay từ đầu năm các giáo viên đã chủ động xây dựng và điều chỉnh lại kế hoạch dạy học thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục. Tổ chuyên môn luôn chủ động lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh đặc biệt là công tác đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực của học sinh;[H5-5.1-04]; [H1-1.4-04];[H1-1.4-11];[H1-1.4-04];[H1-1.4-11]

b) Bên cạnh việc nâng cao chất lượng đại trà, các giáo viên còn phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Ngay từ đầu năm học, bộ phận chuyên môn đã chỉ đạo đến từng giáo viên rà soát, phát hiện những học sinh có năng khiếu, yêu thích môn học, giao những giáo viên viên cốt cán thực hiện công tác bồi dưỡng. Song song đó, việc lập danh sách, dạy phụ đạo học sinh yếu kém là trách nhiệm bắc buộc của giáo viên bộ môn.[H1-1.4-04];[H1-1.4-11];[H1-1.1-02];

Mức 3:

Hằng năm, cuối các học kỳ các tổ chuyên môn và nhà trường đều rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của công tác phụ đạo và bồi dưỡng.Từ đó, rút kinh nghiệm bổ ích, tìm ra nguyên nhân của hạn chế, đồng thời cũng đề ra các giải pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Nhờ vậy, chất lượng đại trà và chất lượng học sinh mũi nhọn của trường hằng năm đều tăng.[H1-1.1-02]; [H5-5.1-04]

**2. Điểm mạnh**

BGH, bộ phận chuyên môn nhà trường xây dựng kế hoạch rõ ràng cụ thể, các tổ và thành viên của tổ hoàn thành nhiệm vụ được giao, sinh hoạt đều đặn theo quy định của Điều lệ.

Dựa trên kế hoạch giáo dục của nhà trường các tổ chuyên môn đã lập và thực hiện kế hoạch phù hợp với đặc điểm tình hình năm học, phù hợp với yêu cầu và đối tượng học sinh.

Các giáo viên đã vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Công tác phụ đạo học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu được quan tâm đúng mức. Học sinh được bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn hài hòa. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn chưa thật sự đồng đều, việc trao đổi học hỏi về chuyên môn còn hạn chế. Việc sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy chưa thường xuyên.

Kết quả học sinh mũi nhọn chưa đồng đều ở các môn học. Một số môn nhiều năm chưa có học sinh giỏi các cấp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020 và các năm tiếp theo, các tổ chuyên môn tiếp tục vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Nhà trường tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng nội dung sinh hoạt chuyên môn, giúp đỡ các GV còn hạn chế về kinh nghiệm giảng dạy, như: các chuyên đề, đổi mới phương pháp dạy học.

Nhà trường luôn tạo điều kiện để giáo viên thường xuyên trao đổi, thống nhất những nội dung cần thiết cho công tác giảng dạy đạt hiệu quả cao; tiếp tục tạo điều kiện cho các giao viên được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ. Bên cạnh đó, việc động viên, giúp đỡ giáo viên nâng cao khả năng khai thác và ứng dụng Công nghệ thông tin vào dạy học cũng được nhà trường quan tâm. Từng mặt công tác, từng giai đoạn cụ thể của các hoạt động cần được tổ chuyên môn đánh giá, phân tích kĩ những mặt đã làm được, chưa làm được và nguyên nhân, qua đó đề xuất các biện pháp, giải pháp hợp lí.

Động viên, giúp đỡ các giáo viên thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, nhất là với những môn học chưa có học sinh giỏi các cấp

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên lập kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H1-1.1-04]; [H1-1.7-04];

b) Hằng năm, nhà trường đã chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm điều tra đầu năm để nắm rõ hoàn cảnh gia đình từng học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ nhiệm báo về nhà trường. Các bộ phận trong nhà trường sẽ phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ kịp thời cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Với nhưng học sinh có năng khiếu trong học tâp cũng như trong các lĩnh vực văn nghệ, thể dục, thể thao đều được quan tâm tạo điều kiện đẻ các em phát huy năng khiếu của bản thân. [H1-1.1-04];[H2-2.4-01];[H1-1.4-10];[H5-5.1-06]

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường đều có rà soát, tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Trên cơ sở đó nhà trường đã ghi nhận, rút ra những kinh nghiệm bổ ích trong công tác tổ chức học tâp cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. [H1-1.1-02];[H1-1.5-02];

Mức 2:

Căn cứ số học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh có năng khiếu, nhà trường đã đề nghị với các cấp có thẩm quyền cũng như các tổ chức chính trị trong nhà trường có biện pháp giúp đỡ các đối tượng này như: Đảm bảo chế độ chính sách theo nghị định 86 của chính phủ. Nhà trường còn cấp phát sách giáo khoa miễn phí, tranh thủ các nguồn xã hội hóa để giúp đỡ các em tập sách, xe đạp, các phần học bỗng có giá trị. Những em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn cũng được Hội Đồng Đội Thành phố tặng Ngôi nhà khăn quàng đỏ, hồ trợ kinh phí chữa bệnh lâu dài,... [H5-5.1-02]Qua đó, các em có điều kiện thuận lợi trong quá trình tham gia học tập tại nhà trường. Nhà trường luôn đông viên, khen thưởng kịp thời những học sinh đạt thành tích cao trong học tâp và rèn luyện. Nhờ vậy, hàng năm các mục tiêu giáo dục đã đề ra đều đạt và vượt chỉ tiêu.[H1-1.4-05];[H5-5.1-01];[H1-1.1-04];[H5-5.1-04];[H1-1.1-02];

Mức 3:

Hằng năm, trường đều có học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành Phố các môn văn hóa. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ như Tiếng hát hoa phượng đỏ, Hội khỏe Phù Đổng, Việt dã Sacombank, ...đều đạt giải cao .[H1-1.4-05];[H5-5.1-01];[H1-1.1-04];[H5-5.1-04]; [H1-1.1-02]; [H2-2.2-04];

**2. Điểm mạnh**

Hầu hết các giáo viên đều tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm cao, quan tâm với từng đối tượng học sinh. Ban lãnh đạo nhà trường có sự lãnh đạo khoa học, tổ chức quản lý chặt chẽ việc thực hiện nề nếp, quy chế chuyên môn, quan tâm đến từng học sinh để động viên các em tích cực học tập. Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền vận động các giáo viên quan tâm đến các đối tượng học sinh, đặc biệt là học sinh năng khiếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tâp và rèn luyện.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên trong công tác phụ đạo học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh giỏi chưa cao. Tinh thần tự học, tự tìm tòi kiến thức của học sinh chưa được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Số lượng học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi do các cấp tổ chức chưa nhiều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 nhà trường tiếp tục rà soát, đánh giá, theo dõi tình hình học tập của học sinh để từ đó có biện pháp điều chỉnh nội dung kế hoạch giảng dạy phải thực hiện một cách thường xuyên.

Giáo viên tăng cường kiểm tra học sinh trong các giờ học trên lớp và các buổi phụ đạo để chỉ ra mặt được và chưa được của học sinh, giúp các em nhận thức tốt vai trò của mình

Việc kết hợp với gia đình trong việc đôn đốc, kèm cặp học sinh ngoài giờ học chính khoá đã được quan tâm tốt hơn

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Căn cứ các văn bản hướng dẫn, nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn, các giáo viên xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch giảng dạy tích hợp giảng dạy chương trình địa phương vào nội dung dạy học theo đúng quy định. Với các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí nhà trường đã chỉ đạo giáo viên và học sinh thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo Tài Liệu của Sở GD & ĐT Bến Tre, các văn bản hướng dẫn thực hiện của Phòng GD & ĐT Thành phố. Nhà trường luôn đảm bảo 100% học sinh có đầy đủ các tài liệu địa phương các môn học và được hướng dẫn học tập các nội dung theo quy định.[H1-1.4-04];[H1-1.4-11];[H5-5.1-04]; [H1-1.1-02]; [H5-5.1-06];

b)Thông qua các tiết giáo dục địa phương, các giáo viên kiểm tra việc tiếp thu và nhận thức của học sinh bằng nhiều hình thức như tham quan thực tế, hoạt động trải nghiệm, viết bài thu hoạch, bài kiểm tra. Các nội dung giáo dục địa phương được xem là kiến thức bắt buộc trong kiểm tra thường xuyên và định kỳ của học sinh. [H1-1.1-02];[H1-1.5-02]; [H1-1.5-04];

c) Hằng năm nhà trường chỉ đạo các giáo viên rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho phù hợp với điều kiện và tình hình Thành phố, của tỉnh.[H5-5.1-03]

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương được xây dựng phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Căn cứ vào tài liệu giáo dục địa phương các môn Ngữ văn- Lịch sử , Địa lí; căn cứ vào mục tiêu bài học và tình hình thực tế địa phương trường đã giảng dạy và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và báo cáo các chuyên đề phù hợp. Các Môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí cũng đã thực hiện các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, cho học sinh tham quan thực tế, có câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả thu hoạch được của các em sau chuyến đi.[H1-1.4-04];[H1-1.4-11];[H1-1.1-05];[H5-5.1-04]; [H1-1.1-02]; [H5-5.1-06];

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tổ chức thực hiện nghiêm túc trong việc xây dựng kế hoạch, nội quy quy định, quy chế liên quan đến giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch; có rà soát cập nhật điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp. Trường cũng đã tổ chức các hoạt đông trải nghiệm, chuyên đề gần gũi, thiết thực giúp học sinh yêu thích và qua đó góp phần nâng cao chất lượng các nội dung giáo dục địa phương.

**3. Điểm yếu**

Một số ý kiến tham gia trong quá trình thảo luận xây dựng quy chế giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch còn hạn chế. Nội dung chưa thật phong phú hấp dẫn

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 bộ phận chuyên môn nhà trường tiếp tục thực hiện sửa đổi, bổ sung theo kế hoạch. Cập nhật các nội dung giáo dục địa phương phong phú đa dạng hơn. Nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc góp ý đối với các nội dung của kế hoạch

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thực hiện các văn bản hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo từ năm học 2017-2018, nhà trường đã tổ chức thực hiện nghiêm túc trong việc xây dựng kế hoạch trải nghiệm sáng tạo, trọng tâm của các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh; nhằm tạo ra môi trường khác nhau để hoc sinh được trải nghiệm, tham gia, tiếp xúc thực tế và được phát huy sáng tạo, tư duy tích cực thông qua hoạt động thực tiễn như: phản biện, phân tích, nhận định, đánh giá... để chuyển hoá trải nghiệm thực tiễn thành giá trị, năng lực của bản thân đồng thời biết chia sẻ và quan tâm tới mọi người xung quanh. .[H1-1.4-04];

b) Các tổ Chuyên môn, các đoan thể trong nhà trường cùng đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c)Ngoài ra trong các kế hoạch tổ chức dạy học, tổ chức hoạt động giáo dục của từng môn đã dành một thời lượng nhất định cho các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và cũng đã phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ;[H1-1.4-11];[H5-5.1-04]; [H1-1.1-02]; [H5-5.1-06];

Mức 2:

Thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn các tổ chuyên môn đã chỉ đạo giáo viên tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, có sự điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình ở mỗi khối lớp.Trong quá trình thực hiện nhà trường đã phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp .Hàng tháng, hàng năm nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát, đánh giá lại nội dung kế hoạch và kết quả thực hiện các hoạt đông liên quan đến trải nghiệm sáng tạo từ đó có sự điều chỉnh kịp thời kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.[H1-1.4-04];[H1-1.4-11];[H5-5.1-04]; [H1-1.1-02]; [H5-5.1-06];

Khi tiến hành các hoạt động trải nghiệm, giáo viên chụp hình các hoạt động nhằm tuyên truyền giáo dục, tạo phong trào lan rộng trong giáo viên ở đều khắp các bộ môn và khuyến khích học sinh tham gia ngày càng nhiều hơn. [H4-4.2-05]

**2. Điểm mạnh**

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của sở Giáo dục và đào tạo từ năm học 2014-2015 nhà trường đã tổ chức thực hiện nghiêm túc trong việc xây dựng kế hoạch trọng tâm của các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh; nhằm tạo ra môi trường khác nhau để hoc sinh được trải nghiệm, tham gia, tiếp xúc thực tế và được phát huy sáng tạo, tư duy tích cực thông qua hoạt động thực tiễn như: phản biện, phân tích, nhận định, đánh giá... để chuyển hoá trải nghiệm thực tiễn thành giá trị, năng lực của bản thân đồng thời biết chia sẻ và quan tâm tới mọi người xung quanh. Ngoài ra trong các kế hoạch tổ hức dạy học, tổ chức hoạt động giáo dục của từng môn đã dành một thời lượng nhất định cho các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. nội quy quy định, quy chế liên quan đến giáo dục Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch.

**3. Điểm yếu**

Trong quá trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo một số giáo viên còn lúng túng, đặc biệt là quá trình đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh trong các tiết trải nghiệm sáng tạo; Học sinh chưa mạnh dạn đưa ra chính kiến của mình trong quá trình tiếp thu kiến thưc, sự phản biện, thảo luận chưa mang lại hiệu quả cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, bộ phận chuyên môn môn nhà trường tiếp tục thực hiện sửa đổi, bổ sung theo kế hoạch dựa trên điều kiện thực tiễn của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh**

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Căn cứ vào kế hoạch và hướng dẫn của Phòng GD nhà trường đã tổ chức triển khai đầy đủ kế hoạch để học sinh hình thành phát triển các kĩ năng sống cho phù hợp khả năng bản thân, điều kiện của nhà trường và địa phương. [H1-1.4-04]; [H1-1.4-11];[H1-1.4-05];

b) Nhà trường cũng tổ chức thảo luận chọn những nội dung sát thực nhất đối với đối tượng học sinh của nhà trường để tổ chức thực hiện công tác giáo dục kỹ năng sống. Trong từng tiết dạy, thông qua các môn học như Ngữ văn, Lịch Sử, GDCD, Địa lí trên lớp, các giáo viên đã khéo léo trong việc trang bị được kiến thức đồng thời khơi dậy khích lệ được những tình cảm, những suy nghĩ của học sinh về truyền thống cách mạng tinh thần tự tôn dân tộc khơi dậy niềm tự hào dân tộc để từ đó chính các em là người đưa ra ý kiến hay những dòng tâm sự, câu truyện kể và giáo viên động viên học sinh khi các em có những suy nghĩ, cảm nhận sâu sắc. Đồng thời giáo dục đạo đức học sinh thông qua tác phong cử chỉ, hành vi, nề nếp của cán bộ giáo viên, nhân viên cụ thể: Trang phục gọn gàng, lịch sự thực hiện nghiên chỉnh về giờ giấc theo quy định, lời nói lịch sự không vi phạm đạo đức nhà giáo, mẫu mực trong sinh hoạt, lao động. Bên cạnh đó nhà trường chỉ đạo tốt sự phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, với Ban đại diện cha mẹ học sinh, phụ huynh HS đi thăm gia đình học sinh bị gặp hoạn nạn...tham gia giáo dục học sinh hay vi phạm nội quy trường lớp...Sự gắn kết ấy đã tạo thành sự thống nhất và đồng bộ trong giáo dục và đã có tác dụng tốt đến việc hình thành nhân cách cho học sinh, biết chia sẻ động viên lẫn nhau trong quá trình học tập. [H1-1.5-02]; [H1-1.5-04];

c) Nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục hình thành phát triển kĩ năng sống cho học sinh. đảm bảo cho học sinh có kĩ năng sống hòa nhập, nghiêm túc, phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương và thuần phong mĩ tục: Trung thực thật thà, chấp hành tốt pháp luật, biết tự đánh giá kết quả học tập, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn thực hiện tốt an ninh, trật tự, không có hiện tượng vi phạm an toàn giao thông, ngộ độc thực phẩm, các tệ nạn xã hội, nạn tảo hôn, xảy ra. [H1-1.1-02]; [H4-4.2-05];

Mức 2:

a) Đầu năm nhà trường sinh hoạt thông tư 58/2011/TT-BGDĐT về qui chế xếp loại học lực hạnh kiểm cho học sinh dể học sinh biết tự xếp loại kết quả học tập rèn luyện của bản thân. Hướng dẫn học sinh tham gia tốt cuộc thi Nghiên cứu khoa học kỹ thuật, cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng; tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, báo cáo chuyên đề nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. [H1-1.4-04]; [H5-5.1-04]

b) Từ việc sinh hoạt hướng dẫn học sinh hầu hết các em có khả năng vận dụng kiến thức vào khả năng thực tiễn của học sinh, từng bước giúp hình thành và phát triển kỹ năng[H1-1.5-02]; [H1-1.1-02];

Mức 3:

Học sinh bước đầu vận dụng những những điều đã học vào thực tiễn nghiên cứu khoa học. Hằng năm, các em đều tham gia cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, nghiên cứu khoa học kĩ thuật và đã có sản phẩm đạt giải cao cấp Thành phố và cấp Tỉnh; [H1-1.1-02]; [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04];[H5-5.1-02]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục hình thành và phát triển kỹ năng sống cho học sinh cụ thể, chặt chẽ và được triển khai tới các tổ chức và cá nhân trong nhà trường, tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Được sự nhất trí đồng thuận của tập thể nhà trường , phối kết hợp của các tổ chức trong nhà trường, địa phương, thực hiện tốt kế hoạch. Tạo điều kiện thuận lợi thực hiện kế hoạch giáo dục hình thành và phát triển kỹ năng sống cho học sinh được xây dựng cụ thể chặt chẽ và được triển khai tới các tổ chuyên môn và giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Các giáo viên thực hiện nghiêm túc các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, bám sát kế hoạch hoạt động chung của nhà trường, tổ chuyên môn.Vì vậy, trong nhiều năm qua, nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục hình thành phát triển kỹ năng sống cho học sinh, đảm bảo cho học sinh có kỹ năng sống hòa nhập, nghiêm túc, phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương và thuần phong mỹ tục: trung thực thật thà, chấp hành tốt pháp luật, biết tự đánh giá kết quả học tập, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn thực hiện tốt an ninh, trật tự, không có hiện tượng vi phạm an toàn giao thông, ngộ độc thực phẩm, các tệ nạn xã hội,...

**3. Điểm yếu**

Việc thực hiện kỹ năng sống của học sinh còn thụ động, đôi khi còn tùy hứng.

Việc tích hợp giáo dục kỹ năng sống vào các tiết dạy đôi lúc chưa được quan tâm đúng mức, sự vào cuộc của các giáo viên trong việc giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh chưa được đồng bộ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Thời gian thực hiện: Từ năm học 2019 – 2020 Thường xuyên thực hiện tốt việc giảng dạy lồng ghép giáo dục kỹ năng sống trong chương trình nội và ngoại khóa. Tăng cường kiểm tra thường xuyên liên tục, có biện pháp kịp thời với những điểm còn hạn chế. Phối kết hợp tốt với các tổ chức trong và ngoài nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ vào Chỉ thị năm học của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh, Kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Bến Tre, hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chi tiết đến toàn thể các tổ chức chính trị và cán bộ, giáo viên trong nhà trường. Chỉ đạo các tổ chuyên môn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học. [H1-1.1-03]

b) Trong những năm học qua nhà trường đã thực hiện tốt nội dung, chương trình theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở Giáo dục và Đào tạo và của Phòng Giáo dục và Đào tạo, chủ động trong việc biên soạn kế hoạch dạy học, tổ chức dạy học phân hoá theo năng lực của học sinh dựa theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, đảm bảo tiến độ trong quá trình dạy học, tổ chức dạy học theo các chủ đề, đồng thời giáo viên đã thực hiện nghiêm túc đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT. Kết quả học lực, hanh kiểm của học sinh đều đạt chỉ tiêu đã đề ra từ đầu năm học.[H1-1.1-02];

c) Ngay từ đầu năm học, nhà trường tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS [H1-1.1-04];[H1-1.4-05];[H1-1.4-11].

Mức 2:

Kết quả giáo dục trong những năm qua nhà trường luôn đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS luôn đạt 100% . Kết quả giáo dục trong 05 năm liên tiếp có chuyển biến tích cực. Kết quả năm sau luôn bằng hoặc vượt so với năm trước.[H1-1.1-02];

Bên cạnh đó nhà trường luôn quan tâm đến công tác phổ cập và phân luồng học sinh để từ đó điều chỉnh các chủ đề trong việc giáo dục hướng nghiệp cho học sinh. Nhà trường phối hợp với UBND xã thực hiện kế hoạch của ban chỉ đạo PCGD THCS Thành phố, đảm bảo đạt chuẩn phổ cập GD. HĐND đã đề ra nghị quyết cho UBND triển khai xây dựng kế hoạch cụ thể về mục tiêu PCGD THCS trong hai xã Mỹ Thạnh An và Phú Nhuận. Giao cho Chi ủy chi bộ, BGH nhà trường rà soát điều tra. Công tác chỉ đạo thực hiện quy chế, quy chế chuyên môn của BGH triển khai sâu rộng tới từng giáo viên. Song song với việc giảng dạy đó là công tác điều tra được ban chỉ đạo phổ cập xã và BGH nhà trường đã phân công cán bộ giáo viên đến vận động kết hợp điều tra thêm đối tượng nằm trong độ tuổi phổ cập, đối chiếu một cách chính xác .[H1-1.1-01];[H1-1.5-02];[H1-1.5-04]; [H4-4.2-05];

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

Trong những năm qua, nhà trường luôn quan tâm chất lượng hai mặt giáo dục. Chất lượng học sinh giỏi các năm luôn được nâng cao. Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của đạt ít nhất 10%. Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường luôn đạt ít nhất 35%. Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường không quá 05%. Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90%. Không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu.[H1-1.1-02];[H1-1.1-04];[H1-1.5-02];

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Hằng năm nhà trường luôn phối hợp tốt với các Đoàn thể trong và ngoài nhà trường để duy trì tốt sĩ số học sinh. Tỷ lệ học sinh bỏ học các năm đều không quá 01%. [H1-1.1-02];[H1-1.1-04];[H1-1.5-02];

Chất lượng giáo dục các mặt của nhà trường luôn được cải thiện. Mỗi năm, học sinh học sinh lưu ban không quá 02%. [H1-1.1-02];[H1-1.1-04];[H1-1.5-02];

**2. Điểm mạnh**

Trong những năm học qua nhà trường đã thực hiện tốt nội dung, chương trình theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở Giáo dục và Đào tạo và của Phòng Giáo dục và Đào tạo, chủ động trong việc biên soạn phân phối chương trình, tổ chức dạy học phân hoá theo năng lực của học sinh dựa theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, đảm bảo tiến độ trong quá trình dạy học, tổ chức dạy học theo các chủ đề, đồng thời giáo viên đã thực hiện nghiêm túc đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT.

Công tác đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên, đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh, đổi mới tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng sinh hoạt từng chủ đề, nội dung để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc khi giảng dạy, chú trọng giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích cho học sinh, đẩy mạnh giáo dục môi trường và các hoạt động văn hóa, thể thao, tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tổ chức các hoạt động hướng nghiệp được các tổ chức xã hội trong nhà trường và được các giáo viên quan tâm đồng bộ.

**3. Điểm yếu**

Trong công tác lập kế hoạch và đổi mới phương pháp giảng dạy của một số giáo viên còn chậm, kém hiệu quả; khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin của môt số giao viên còn hạn chế. Sự phối hợp giữa gia đình và các giáo viên chưa được chặt chẽ, học sinh còn lười học, điều đó cũng ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, nhà trường tiếp tục vận động nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công tác giảng dạy đặc biệt là đổi mới phương pháp, phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Vận động giáo viên tăng cường tự học, tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

Điểm mạnh nổi bật:

BGH, Bộ phận chuyên môn nhà trường xây dựng kế hoạch rõ ràng cụ thể. Các tổ và thành viên của tổ hoàn thành nhiệm vụ được giao, sinh hoạt đều đặn theo quy định của Điều lệ.

Dựa trên kế hoạch giáo dục của nhà trường các tổ chuyên môn đã lập và thực hiện kế hoạch phù hợp với đặc điểm tình hình năm học, phù hợp với yêu cầu và đối tượng học sinh. Các giáo viên đã vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn hài hòa.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền vận động các giáo viên tham gia công tác phụ đạo học sinh yếu kém nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Nghiêm túc trong việc xây dựng kế hoạch, nội quy quy định, quy chế liên quan đến giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch; có rà soát cập nhật điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp

Điểm yếu cơ bản:

Việc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đã được triển khai và thực hiện đúng quy định; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Tuy nhiên công tác lập kế hoạch và đổi mới phương pháp giảng dạy của một số giáo viên còn chậm, kém hiệu quả; khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin của môt số giáo viên còn hạn chế. Sự phối hợp giữa gia đình và các giáo viên chưa được chặt chẽ, học sinh còn lười học, điều đó cũng ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng của nhà trường.

Việc tích hợp giáo dục kỹ năng sống vào các tiết dạy đôi lúc chưa được quan tâm đúng mức, sự vào cuộc của các giáo viên trong việc giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh chưa được đồng bộ.

Mức 1: Tổng số tiêu chí: 6

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 6

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Mức 2: Tổng số tiêu chí: 6

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 6

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Mức 3: Tổng số tiêu chí: 4

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 4

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

### 

# **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Mức 1:

-Tổng số tiêu chí: 28

-Tổng số tiêu chí đạt: 28. Đạt tỉ lệ: 100%

-Tổng số tiêu chí không đạt: 0. Đạt tỉ lệ: 0%

Mức 2:

-Tổng số tiêu chí: 28

-Tổng số tiêu chí đạt: 28. Đạt tỉ lệ: 100%

-Tổng số tiêu chí không đạt: 0. Đạt tỉ lệ: 0%

Mức 3:

-Tổng số tiêu chí: 20

-Tổng số tiêu chí đạt: 7. Đạt tỉ lệ: 35%

-Tổng số tiêu chí không đạt: 13. Đạt tỉ lệ: 65%

Mức 4:

-Tổng số tiêu chí: 6

-Tổng số tiêu chí đạt: 0. Đạt tỉ lệ: 0%

-Tổng số tiêu chí không đạt: 6. Đạt tỉ lệ: 100%

Mức đánh giá mà cơ sở giáo dục đạt được căn cứ theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT là: Mức 2

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt KĐCLGD Cấp độ: 2

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt CQG Mức độ: 1

*Thành phố Bến Tre, ngày ..............tháng ............. năm 20..........*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)*  **Nguyễn Quốc Hùng** |

# **Phần IV. PHỤ LỤC**

BẢNG THỐNG KÊ DANH MỤC MÃ HÓA MINH CHỨNG

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| Tiêu chí 1.1 | 1 | H1-1.1-01 | Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Văn thư |  |
| Tiêu chí 1.1 | 2 | H1-1.1-02 | Báo cáo sơ kết, tổng kết | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Văn thư |  |
| Tiêu chí 1.1 | 3 | H1-1.1-03 | Biên bản lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của nhà trường hằng năm (Sổ nghị quyết của nhà trường và nghi quyết của hội đồng trường) | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.1 | 4 | H1-1.1-04 | Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Chi bộ |  |
| Tiêu chí 1.2 | 5 | H1-1.2-01 | Quyết định thành lập hội đồng trường | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.2 | 6 | H1-1.2-02 | Quyết định thành lập hội đồng thi đua khen thưởng | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.2 | 7 | H1-1.2-03 | Quyết định thành lập hội đồng tư vấn | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.2 | 8 | H1-1.2-04 | Hồ sơ thi đua | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.3 | 9 | H1-1.3-01 | Quyết định công nhận Ban chấp hành công đoàn | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Công đoàn |  |
| Tiêu chí 1.3 | 10 | H1-1.3-02 | Quyết định thành lập chi đoàn | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Chi đoàn |  |
| Tiêu chí 1.3 | 11 | H1-1.3-03 | Quyết định thành lập ban chỉ huy liên đội, các tổ chức xã hội | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.3 | 12 | H1-1.3-04 | Kế hoạch hoạt động đoàn, đội | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Đội TNTPHCM |  |
| Tiêu chí 1.3 | 13 | H1-1.3-05 | Quyết định thành lập tổ chức Đảng (Biên bản đại hội chi bộ, quyết định chuẩn y, công nhận ban chấp hành, chi ủy, bí thư, phó bí thư...) | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Chi bộ |  |
| Tiêu chí 1.3 | 14 | H1-1.3-06 | Báo cáo có liên quan của chi bộ | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Chi bộ |  |
| Tiêu chí 1.3 | 15 | H1-1.3-07 | Các báo cáo có liên quan của chi bộ nhà trường hoặc các tổ chức đoàn thể và tổ chức khác. | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.3 | 16 | H1-1.3-08 | Bằng khen, giấy khen, quyết định | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.4 | 17 | H1-1.4-01 | Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | Năm học 2017 - 2018 | Trường |  |
| Tiêu chí 1.4 | 18 | H1-1.4-02 | Quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | Năm học 2017 - 2018 | Trường |  |
| Tiêu chí 1.4 | 19 | H1-1.4-03 | Quyết định về việc thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.4 | 20 | H1-1.4-04 | Kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm học. | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.4 | 21 | H1-1.4-05 | Sổ họp chuyên môn | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Tổ chuyên môn |  |
| Tiêu chí 1.4 | 22 | H1-1.4-06 | Biên bản kiểm kê, tài sản, tài chánh, hồ sơ của tổ, thiết bị | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.4 | 23 | H1-1.4-07 | Biên bản về đánh giá, xếp loại giáo viên theo quyết định chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.4 | 24 | H1-1.4-08 | Tổ chuyên môm đề xuất một chuyên đề chuyên môn | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Tổ chuyên môn |  |
| Tiêu chí 1.4 | 25 | H1-1.4-09 | Sơ kết, tổng kết tổ chuyên môn | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Tổ chuyên môn |  |
| Tiêu chí 1.4 | 26 | H1-1.4-10 | Chuyên đề tổ chuyên môn | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Tổ chuyên môn |  |
| Tiêu chí 1.4 | 27 | H1-1.4-11 | Biên bản họp tổ chuyên môn | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Tổ chuyên môn |  |
| Tiêu chí 1.4 | 28 | H1-1.4-12 | Bằng khen, giấy khen, quyết định sáng kiến thành phố, tỉnh, học sinh giỏi | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Phòng GD&ĐT Thành phố Bến Tre |  |
| Tiêu chí 1.5 | 29 | H1-1.5-01 | Sổ đăng bộ | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.5 | 30 | H1-1.5-02 | Sổ chủ nhiện | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.5 | 31 | H1-1.5-03 | Bảng tổng hợp thông tin về các lớp học theo từng năm (Họ và tên giáo viên chủ nhiệm, tên lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó) | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.5 | 32 | H1-1.5-04 | Sổ gọi tên và ghi điểm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.5 | 33 | H1-1.5-05 | Sổ trực ban hàng tuần | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.5 | 34 | H1-1.5-06 | Bình xét thi đua trong hội đồng trường | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.6 | 35 | H1-1.6-01 | Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản công văn đi và đến | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Văn thư |  |
| Tiêu chí 1.6 | 36 | H1-1.6-02 | Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.6 | 37 | H1-1.6-03 | Qui chế chi tiêu nội bộ | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.6 | 38 | H1-1.6-04 | Sổ quản lý tài chính | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.6 | 39 | H1-1.6-05 | Biên bản kiểm tra hoặc kết luận của cấp trên về việc thanh tra, kiểm kiểm tra) có đánh giá về các nội dung tài chính, tài sản | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.6 | 40 | H1-1.6-06 | Sổ theo dõi thiết bị dạy học | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.6 | 41 | H1-1.6-07 | Sổ theo dõi phổ cập | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.7 | 42 | H1-1.7-01 | Kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hàng năm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.7 | 43 | H1-1.7-02 | Quyết định, bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên, giáo viên hằng năm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.7 | 44 | H1-1.7-03 | Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.7 | 45 | H1-1.7-04 | Kế hoạch năm học | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.7 | 46 | H1-1.7-05 | Báo cáo sơ kết, tổng kết công đoàn | Từ năm học 2014-2015 đến nay | Công đoàn |  |
| Tiêu chí 1.7 | 47 | H1-1.7-06 | Biên bản hộc nghị cán bộ viên chức | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.8 | 48 | H1-1.8-01 | Kế hoạch chuyên môn của nhà trường | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.8 | 49 | H1-1.8-02 | Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.8 | 50 | H1-1.8-03 | Sơ kết, tổng kết chuyên môn từng học kì | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.8 | 51 | H1-1.8-04 | Thời khóa biểu | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.8 | 52 | H1-1.8-05 | Sổ đầu bài | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.9 | 53 | H1-1.9-01 | Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường hằng năm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.9 | 54 | H1-1.9-02 | Báo cáo thanh tra nhân dân | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.9 | 55 | H1-1.9-03 | Văn kiện hội nghị cán bộ viên chức | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.9 | 56 | H1-1.9-04 | Hồ sơ tiếp công dân | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.9 | 57 | H1-1.9-05 | Quy chế dân chủ nhà trường | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.9 | 58 | H1-1.9-06 | Báo cáo thực hiện qui chế dân chủ nhà rường | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.9 | 59 | H1-1.9-07 | Sổ họp tổ chuyên môn | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Tổ chuyên môn |  |
| Tiêu chí 1.9 | 60 | H1-1.9-08 | Hồ sơ khiếu nại, tố cáo | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.9 | 61 | H1-1.9-09 | Bảng phân công thực hiện qui chế dân chủ hằng năm | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.10 | 62 | H1-1.10-01 | Kế hoạch phối hợp công an xã Phú Nhuận | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.10 | 63 | H1-1.10-02 | Giấy chứng nhận hồ sơ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Cơ quan cấp trên |  |
| Tiêu chí 1.10 | 64 | H1-1.10-03 | hộp thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.10 | 65 | H1-1.10-04 | Chuyên đề phòng chống bạo lực học đường | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.10 | 66 | H1-1.10-05 | Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.10 | 67 | H1-1.10-06 | Kế hoạch phòng chống cháy nổ | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.10 | 68 | H1-1.10-07 | Kế hoạch phòng chống dịch bệnh | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.10 | 69 | H1-1.10-08 | Kế hoạch phòng chống tệ nạn xã hội | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.10 | 70 | H1-1.10-09 | Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.10 | 71 | H1-1.10-10 | Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 1.10 | 72 | H1-1.10-11 | Giấy chứng nhận nhà trường đảm bảo an toàn an ninh trật tự | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Cơ quan cấp trên |  |
| Tiêu chí 2.1 | 73 | H2-2.1-01 | Kết quả đánh giá, xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 2.1 | 74 | H2-2.1-02 | Bằng tốt nghiệp trung cấp huấn về lý luận chính trị hành chánh | Năm 2018 | Trường Chính trị Tỉnh Bến Tre |  |
| Tiêu chí 2.2 | 75 | H2-2.2-01 | Danh sách giáo viên của nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 2.2 | 76 | H2-2.2-02 | Danh sách giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo của nhà trường | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 2.2 | 77 | H2-2.2-03 | Kết quả nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền công nhận | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 2.2 | 78 | H2-2.2-04 | Các quyết định khen thưởng, quyết định công nhận, giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 2.3 | 79 | H2-2.3-01 | Danh sách đánh giá xếp loại nhân viên hằng năm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 2.4 | 80 | H2-2.4-01 | Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn và dự giờ | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 2.4 | 81 | H2-2.4-02 | Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 3.1 | 82 | H3-3.1-01 | Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 3.1 | 83 | H3-3.1-02 | Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất | Từ năm học 2002 | Phòng tài nguyên và môi trường |  |
| Tiêu chí 3.2 | 84 | H3-3.2-01 | Sơ đồ tổng thể của nhà trường | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 3.4 | 85 | H3-3.4-01 | Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế có nội dung liên quan | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 3.4 | 86 | H3-3.4-02 | Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 3.4 | 87 | H3-3.4-03 | Hợp đồng cung cấp nước sạch | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 3.5 | 88 | H3-3.5-01 | Hợp đồng kết nối mạng LAN | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 3.5 | 89 | H3-3.5-02 | Thống kê danh mục thiết bị dạy học do giáo viên tự làm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 3.6 | 90 | H3-3.6-01 | Hồ sơ quản lý thư viện | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 3.6 | 91 | H3-3.6-02 | Quyết định công nhận Thư viện trường học đạt chuẩn | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 4.1 | 92 | H4-4.1-01 | Biên bản họp cha mẹ học sinh | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Ban đại diện |  |
| Tiêu chí 4.1 | 93 | H4-4.1-02 | Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh hằng năm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Ban đại diện |  |
| Tiêu chí 4.1 | 94 | H4-4.1-03 | Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Ban đại diện |  |
| Tiêu chí 4.1 | 95 | H4-4.1-04 | Các biên bản họp cha mẹ học sinh từng lớp hằng năm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Ban đại diện |  |
| Tiêu chí 4.1 | 96 | H4-4.1-05 | Các văn bản quy định về hoạt động của Ban đại diện CMHS | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 4.2 | 97 | H4-4.2-01 | Kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2016-2020 | Từ năm học 2016-2017 | Trường |  |
| Tiêu chí 4.2 | 98 | H4-4.2-02 | Kế hoạch cụ thể hóa nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2016-2020 | Từ năm học 2016-2017 | Trường |  |
| Tiêu chí 4.2 | 99 | H4-4.2-03 | Kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 4.2 | 100 | H4-4.2-04 | Kế hoạch giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức cho học sinh. | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường, Đội TNTPHCM |  |
| Tiêu chí 4.2 | 101 | H4-4.2-05 | Chăm sóc đền thờ liệt sĩ | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 4.2 | 102 | H4-4.2-06 | Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động giáo dục học sinh và các hoạt động giáo dục khác | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Đội TNTPHCM |  |
| Tiêu chí 4.2 | 103 | H4-4.2-07 | Các văn bản của các cấp có thẩm quyền công nhận nhà trường đạt đơn vị văn hóa, tư liệu hình ảnh lễ hội, sự kiện của địa phương tổ chức tại nhà trương. | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 5.1 | 104 | H5-5.1-01 | Sổ dự giờ | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 5.1 | 105 | H5-5.1-02 | Danh sách và tài khoản của giáo viên tham gia trường học kết nối | Từ năm học 2014- 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 5.1 | 106 | H5-5.1-03 | Biên bản họp chuyên môn có nội dung rà soát việc thực hiện chương trình | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 5.1 | 107 | H5-5.1-04 | Chương trình giáo dục nhà trường đã được điều chỉnh | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 5.1 | 108 | H5-5.1-05 | Bảng tổng hợp kết quả giáo dục học sinh | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |
| Tiêu chí 5.1 | 109 | H5-5.1-06 | Danh sách các sáng kiến kinh nghiệm được công nhận | Từ năm học 2014 - 2015 đến nay | Trường |  |